



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

KHOÁ TẬP HUẤN

VỀ QUY ĐỊNH KHÔNG GÂY MẤT RỪNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EUDR)

Dự án “EUDR Engagement”





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
im internationalen
Kooperationsfeld

BÀI 1

TỔNG QUAN VỀ EUDR

Khóa tập huấn về Quy định không gây mất rừng
của Liên minh Châu Âu (EUDR)

MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

Bài giảng sẽ giúp cho các học viên:

1. Nắm vững kiến thức về Quy định không gây mất rừng của EU (EUDR): bối cảnh ban hành, mục tiêu, phạm vi, đối tượng áp dụng, yếu tố chính và thời gian hiệu lực, áp dụng.
2. Hiểu rõ được cơ chế vận hành và thực thi, các định nghĩa chính của EUDR.
3. Nhận biết được các tác động của EUDR đến chuỗi cung ứng của Việt Nam





Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz
Technische Zusammenarbeit
im internationalen
Gesamtwesen seit 1951



NỘI DUNG BÀI GIẢNG

1. EUDR là gì: Bối cảnh ban hành, mục tiêu, phạm vi áp dụng, đối tượng và yêu cầu tuân thủ, hiệu lực thực hiện
2. Cơ chế vận hành và thực thi của EUDR
3. Các định nghĩa chính trong văn bản pháp lý của EUDR
4. Tác động của EUDR đến các tác nhân trong chuỗi cung ứng của Việt Nam



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

1. EUDR LÀ GÌ?

THẢO LUẬN CHUNG

Bảo vệ độ
che phủ rừng
– tại sao và
có lợi ích gì?

“Cuộc sống
tươi đẹp hơn
nhờ cây cối”
– tại sao?

EUDR có thể
mang lại
những lợi ích
gì cho các hộ
gia đình nhỏ
và các doanh
nghiệp vừa
và nhỏ?

PHIM NGẮN: EUDR LÀ GÌ?



Video về EUDR dành cho nông hộ:
[Quy định Ngăn chặn Phá rừng của EU \(EUDR\) -- Thông tin cho các hộ tiểu điền](#)

THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG EUDR

Ngày 29 tháng 6 năm
2023



EUDR có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2025



Bắt đầu áp dụng nghĩa vụ đối với DN lớn

Ngày 30 tháng 6 năm 2026



Bắt đầu áp dụng cho các DN vừa và nhỏ

Theo EU:

- **Doanh nghiệp quy mô vừa:** có tối đa 250 nhân viên, doanh thu hằng năm không quá 50 triệu euro và tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán không quá 43 triệu euro.
- **Doanh nghiệp nhỏ:** có tối đa 50 nhân viên và doanh thu hoặc tổng tài sản không quá 10 triệu euro.
- **Doanh nghiệp siêu nhỏ (micro):** có tối đa 10 nhân viên và doanh thu hoặc tổng tài sản không quá 2 triệu euro.

CÁC MỤC TIÊU CỦA EUDR



Giảm thiểu sự đóng góp của Liên minh Châu Âu (EU) vào nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn cầu.



Giảm thiểu rủi ro từ các sản phẩm/chuỗi cung ứng có liên quan đến nạn phá rừng/suy thoái rừng được đưa vào thị trường Liên minh Châu Âu hoặc xuất khẩu từ thị trường này.



Tăng cường nhu cầu và hoạt động thương mại của Liên minh Châu Âu đối với các hàng hóa và sản phẩm không gây phá rừng.



Góp phần giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu và bảo tồn đa dạng sinh học.

EUDR: CÁC YẾU TỐ CHÍNH

Hàng hóa: Gia súc, đậu nành, **gỗ**, **cà phê**, **cao su**, ca cao và dầu cọ cùng một số sản phẩm phái sinh khác (VD: sô cô la, da, đồ nội thất, lốp xe)



Phạm vi: Các hàng hóa/sản phẩm **nhập khẩu** vào hoặc **xuất khẩu** từ thị trường Liên minh phải đảm bảo:



✓ **Không gây mất rừng** (kể từ ngày 31/12/2020)



✓ **Được sản xuất một cách hợp pháp** theo quy định hiện hành tại quốc gia sản xuất, bao gồm các yếu tố về quyền con người, quyền lao động cũng như sự tự nguyện và đồng thuận trước



✓ **Được khai báo bằng Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS)**

EUDR: CÁC YẾU TỐ CHÍNH (TIẾP)

Hàng hóa/Sản phẩm được đưa vào hoặc xuất khẩu từ thị trường châu Âu:

Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa

Không gây mất rừng kể từ
ngày 31/12/2020

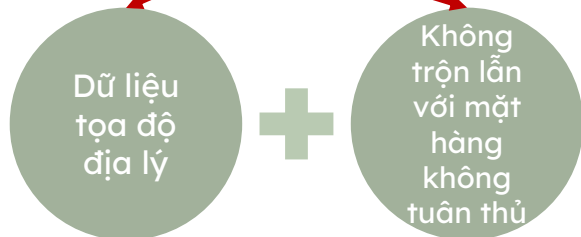


Không chuyển đổi từ rừng sang
đất nông nghiệp/đất nông lâm
kết hợp SAU 31/12/2020

Tuân thủ theo luật pháp của
quốc gia sản xuất



Quyền sử dụng đất, quyền
lao động, nhân quyền, bảo vệ
môi trường ...



Truy xuất nguồn gốc



DN sản xuất hàng
hóa chuyển dữ liệu
cho EU Operator

Nhà nhập khẩu vào EU/ EU Operator

Được khai báo trong Tuyên bố
Trách nhiệm Giải trình (DDS)



“Bằng chứng” về việc chịu
trách nhiệm tuân thủ



CƠ CHẾ VẬN HÀNH EUDR

Trách nhiệm giải trình **bắt buộc** đối với cá nhân/tổ chức (operator) EU đầu tiên đưa sản phẩm vào thị trường EU hoặc xuất khẩu hàng hóa từ thị trường này:

- Chỉ sản phẩm **không gây mất rừng và hợp pháp** được phép đưa vào hoặc xuất khẩu từ thị trường EU – cần đệ trình **Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình**.
- Dựa trên **định nghĩa được quốc tế công nhận (FAO)**
- Các nghĩa vụ chính áp dụng cho các cá nhân **tổ chức (Operator) và các Thương nhân lớn của EU (non- SME trader)**.
- Truy xuất nguồn gốc hàng hóa nghiêm ngặt** đến tận thửa đất/lô rừng nơi hàng hóa đó được sản xuất. Sử dụng tọa độ địa lý là cách đơn giản và hiệu quả nhất để có được thông tin địa lý cần thiết.
- Hợp pháp:** Sản phẩm phải tuân thủ theo **luật pháp có liên quan của quốc gia sản xuất**

CÁC YẾU TỐ CHÍNH - TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Các nghĩa vụ chính của EUDR về **thực hiện trách nhiệm giải trình** được áp dụng đối với **các cá nhân hoặc tổ chức được gọi là “operator”**, tức là **những đơn vị đầu tiên đưa sản phẩm vào thị trường EU (VD nhà nhập khẩu EU)**, hoặc **những đơn vị xuất khẩu sản phẩm từ EU ra nước ngoài**.



Yêu cầu về thông tin (Điều 9) Trong số những yêu cầu khác, thông tin về vị trí địa lý phải được thu thập và truy xuất nguồn gốc hàng hóa nghiêm ngặt đến tận thửa đất/lô rừng nơi hàng hóa đó được sản xuất. Sử dụng tọa độ địa lý là cách đơn giản và hiệu quả nhất để có được thông tin địa lý cần thiết.



Đánh giá rủi ro (Điều 10) Tiêu chí bao gồm: tình trạng mất rừng phổ biến, yêu cầu hợp lý của người dân bản địa, nguy cơ lách luật, chứng nhận,...



Giảm thiểu rủi ro (Điều 11) Trong số những điều khác, yêu cầu thông tin bổ sung + hỗ trợ các nhà cung cấp, đặc biệt là các hộ nông dân nhỏ, thông qua việc xây dựng năng lực và đầu tư



Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz
Technische Zusammenarbeit
im internationalen
Kooperationsfeld

2. CƠ CHẾ VẬN HÀNH VÀ THỰC THI EUDR

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẢM BẢO HÀNG HÓA TUÂN THỦ EUDR

Nhà nhập khẩu EU (EU Operator) khi NK hàng hóa vào thị trường EU hoặc xuất khẩu từ EU (nhà XK EU) cần tuân thủ nghiêm ngặt trách nhiệm giải trình để đảm bảo hàng hóa:

Không gây mất rừng =

Không được sản xuất trên đất suy thoái hoặc gây mất rừng kể từ ngày 31/12/2020



Dữ liệu tọa độ địa lý

Hợp pháp =

Được sản xuất tuân thủ theo quy định pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất



Hồ sơ/bằng chứng chứng minh tuân thủ hợp pháp

ĐỊNH NGHĨA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG EUDR

Thuật ngữ trong EUDR	Định nghĩa	Ví dụ
Operator (Nhà nhập khẩu, Nhà xuất khẩu)	Bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào đưa các sản phẩm liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng (“đưa ra thị trường” có nghĩa là lần đầu tiên cung cấp...)	Công ty nhập khẩu ở EU
Trader (Thương nhân, nhà phân phối, bán lẻ)	Bất kỳ người nào trong chuỗi cung ứng không phải là operator nhưng có hoạt động làm cho sản phẩm có liên quan có sẵn trên thị trường EU.	Chuỗi siêu thị ở EU
Smallholder (Nông hộ sản xuất nhỏ)	Nông hộ sản xuất hàng hóa như ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành, và gỗ cho thị trường EU.	Nông hộ trồng cao su /cà phê/rừng ở VN



NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG: CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC EU/ EU OPERATOR

1. Thu thập dữ liệu **tọa độ địa lý** (đơn điểm hoặc đa điểm) cho tất cả các lô đất được sử dụng để sản xuất các mặt hàng liên quan được đưa vào thị trường EU.
2. Thu thập thông tin về các **yêu cầu pháp lý tại quốc gia sản xuất** và đảm bảo hàng hóa liên quan đưa vào thị trường EU được sản xuất phù hợp với các yêu cầu đó
3. Sử dụng thông tin được thu thập theo mục i. và ii. để **đánh giá rủi ro** xem sản phẩm liên quan có được sản xuất tuân theo các yêu cầu của EUDR không
4. **Giảm thiểu mọi rủi ro** đã xác định đến mức không đáng kể, giải thích và ghi lại cách xác định và giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả
5. Gửi kèm tất cả thông tin này trong **Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS)** cho Cơ quan có thẩm quyền tại EU

NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG: EU TRADER/THƯƠNG NHÂN EU

Các thương nhân không phải là DN vừa và nhỏ (non- SME trader) (ví dụ: nhà bán lẻ tại EU) thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm giải trình của mình bằng cách nộp DDS có tham chiếu đến DDS (số tham chiếu) của Nhà NK đầu tiên EU (Operator EU) và duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc.

Các thương nhân là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME trader) chỉ có nghĩa vụ thu thập, lưu giữ thông tin và cung cấp thông tin khi có yêu cầu.



NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG: DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT & XUẤT KHẨU VÀ NÔNG HỘ VIỆT NAM

- **Các nông hộ (smallholder) và các DN/thương nhân VN** không trực tiếp đưa sản phẩm vào thị trường EU thì **KHÔNG** có nghĩa vụ pháp lý trực tiếp nào.
- Tuy nhiên, **các nhà NK EU** sẽ yêu cầu **các nông hộ hoặc các DN/thương nhân VN** (là đối tác kinh doanh của họ) cung cấp thông tin, chẳng hạn như:
 - Vị trí địa lý của các thửa đất
 - Thông tin về việc mua bán và sở hữu hợp pháp các thửa đất
- Ngoài ra, các Nhà NK EU có thể yêu cầu **cung cấp thêm các tài liệu hoặc xác minh thông tin** thông qua khảo sát thực tế hoặc đánh giá của bên thứ ba độc lập
- Các doanh nghiệp/thương nhân VN **nên** thu thập, lưu giữ thông tin để cung cấp thông tin đó khi có yêu cầu.

HỆ THỐNG PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA CỦA EU

- EU sẽ đánh giá các quốc gia dựa theo các tiêu chí được nêu trong Điều 29, để phân loại rủi ro các quốc gia theo 3 mức độ (ít rủi ro, rủi ro tiêu chuẩn và rủi ro cao) làm cơ sở cho cơ quan thẩm quyền xác định tỷ lệ kiểm tra DN và hàng hóa (Điều 16).
- EU sẽ đánh giá định kỳ các quốc gia 2 năm/lần (Điều 29)

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA



Tốc độ mất rừng
và suy thoái rừng



Mở rộng diện tích
đất NN để SX hàng
hóa liên quan



Xu hướng sản xuất
hàng hóa liên quan
(+/-)

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA

Tiêu chí chính

- Tỷ lệ mất rừng và suy thoái rừng.
- Tốc độ mở rộng diện tích nông nghiệp đối với các mặt hàng liên quan.
- Xu hướng sản xuất của các loại hàng hóa và sản phẩm có liên quan.

Tiêu chí định tính

- Thông tin do quốc gia sản xuất cung cấp – từ chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ (NGO) và các bên thứ ba, bao gồm cả cộng đồng người bản địa và cộng đồng địa phương (IPLCs), liên quan đến giảm phát thải hiệu quả trong lĩnh vực AFOLU (Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Sử dụng đất) được nêu trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)).
- Các thỏa thuận và công cụ khác giữa quốc gia/thành viên EU và EU về mất rừng và suy thoái rừng nhằm hỗ trợ việc tuân thủ đối với các nguyên liệu thô có liên quan.
- Các luật cấp quốc gia và địa phương nhằm giảm thiểu và bảo đảm việc tuân thủ các quy định về mất rừng và suy thoái rừng.
- Tính minh bạch của quốc gia sản xuất và, khi phù hợp, việc tồn tại và thực thi các quy định về quyền con người và quyền của người bản địa và cộng đồng địa phương (IPLC)
- Các biện pháp trừng phạt do Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hoặc Hội đồng Liên minh châu Âu (EU) ban hành.

PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA CỦA EU (BENCHMARKING)

Cơ sở dữ liệu cho đánh giá định lượng:

- Đối với **Tỷ lệ mất rừng** (Điều 29, khoản 3a): sử dụng dữ liệu từ Báo cáo Đánh giá Tài nguyên Rừng Toàn cầu của FAO năm 2020 (FRA 2020), bao gồm dữ liệu mất rừng giai đoạn 2015–2020, dựa trên báo cáo của các quốc gia thành viên FAO.
- Đối với **Suy thoái rừng** (Điều 29, khoản 3a): hiện chưa được đưa vào quá trình phân loại rủi ro do FAO chưa có đủ dữ liệu đáng tin cậy về suy thoái rừng.
- Đối với **Mở rộng diện tích đất nông nghiệp cho nguyên liệu thô và xu hướng sản xuất** (Điều 29, khoản 3b và 3c): sử dụng dữ liệu từ FAOSTAT.
 - **Giảm thiểu mọi rủi ro** đã xác định đến mức không đáng kể, giải thích và ghi lại cách xác định và giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả
 - Dữ liệu sản xuất được dùng cho gia súc và gỗ, vì không có thống kê sử dụng đất cho hai nhóm hàng này.

Công bố danh sách quốc gia và phương pháp luận đầu tiên:
Ngày 22 tháng 5 năm 2025

Cập nhật danh sách và phương pháp phân loại (bao gồm cả cấp độ vùng):
Dự kiến vào đầu năm 2026, sau khi FAO công bố Báo cáo Đánh giá Tài nguyên Rừng Toàn cầu (FRA 2025) cho giai đoạn 2020–2025 vào mùa thu năm 2025.

PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA – QUỐC GIA RỦI RO CAO



PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA – QUỐC GIA RỦI RO THẤP

Tiêu chí

1 Không có thay đổi diện tích rừng ròn (mất rừng được bù đắp bằng phục hồi trong giai đoạn 2015–2020)

→ **Các quốc gia không có thay đổi diện tích rừng ròn sẽ tự động được xếp loại là rủi ro thấp**

2 Tỷ lệ mất rừng thấp hơn ngưỡng cho phép

Tương đối: 0,2% diện tích rừng mất trung bình hằng năm (2015–2020)

Tuyệt đối: dưới 70.000 ha mất rừng mỗi năm

→ **Quốc gia đáp ứng cả hai điều kiện này được xếp loại rủi ro thấp.**

Ngoại lệ: Tất cả các quốc gia có tổn thất rừng ròn tuyệt đối dưới 1.000 ha/năm sẽ tự động được xếp loại rủi ro thấp.

3 Xác định các quốc gia mà mất rừng không do hoạt động nông nghiệp gây ra

→ **Xếp loại rủi ro thấp nếu không có mở rộng đất nông nghiệp cho các mặt hàng thuộc phạm vi EUDR, không tăng sản xuất gỗ hoặc gia súc, và không có xu hướng mở rộng diện tích đất nông nghiệp nói chung.**

Đối với các quốc gia có tỷ lệ mất rừng tương đối và tuyệt đối cao hơn tối đa 25% so với ngưỡng trên, sẽ xem xét thêm các tiêu chí định tính (Điều 29, khoản 4).

Ví dụ về các quốc gia được xếp loại rủi ro thấp

- Australia
- Canada
- China
- Costa Rica
- all EU member states
- Gabon
- Ghana
- Guyana
- India
- Laos
- Madagascar
- Papua New Guinea
- Philippines
- Republic of Congo
- South Africa
- Thailand
- USA
- **Vietnam**
- ...

PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA – QUỐC GIA RỦI RO TIÊU CHUẨN

Tiêu chí

Tất cả các quốc gia không được xếp vào nhóm rủi ro thấp hoặc rủi ro cao sẽ được phân loại là nhóm rủi ro tiêu chuẩn.

Ví dụ về các quốc gia được xếp loại rủi ro tiêu chuẩn

- Brazil
- Cambodia
- Cameroon
- Colombia
- Côte d'Ivoire
- DRC
- Ecuador
- Indonesia
- Liberia
- Malaysia
- Peru
- ...

PHÂN LOẠI RỦI RO QUỐC GIA CỦA EU – Ý NGHĨA THỰC THI

Mức độ rủi ro	Trách nhiệm giải trình của các EU Operator			Thực thi bởi các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên EU
	Thu thập thông tin và tài liệu	Đánh giá rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro	
Thấp	✓	Chỉ phải thực hiện nếu chuỗi cung ứng phức tạp hoặc có dấu hiệu lách luật	Chỉ phải thực hiện khi có thông tin về các trường hợp không tuân thủ	Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra 1% các công ty liên quan
Tiêu chuẩn	✓	✓	(✓)	Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra 3% các công ty liên quan
Cao	✓	✓	(✓)	Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra 9% các công ty liên quan và khối lượng giao dịch.

Ngày 22/5/2025, EC đã ban hành Danh sách các quốc gia được coi là có rủi ro thấp hoặc rủi ro cao dựa trên đánh giá theo Điều 29 của EUDR

ANNEX

List of countries which are considered to present low or high risk according to the assessment based on Article 29 of Regulation (EU) 2023/1115

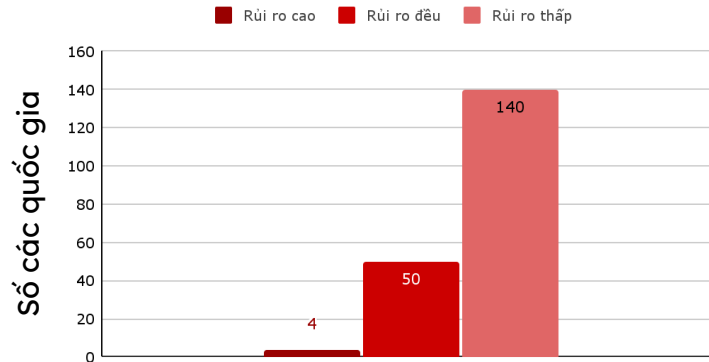
Low risk countries

Afghanistan, Albania, Algeria, Andorra, Antigua and Barbuda, Armenia, Australia, Austria, Azerbaijan, Bahamas, Bahrain, Bangladesh, Barbados, Belgium, Bhutan, Bosnia and Herzegovina, Brunei Darussalam, Bulgaria, Burundi, Cabo Verde, Canada, Central African Republic, Chile, China, Comoros, Congo, Costa Rica, Croatia, Cuba, Cyprus, Czechia, Denmark, Djibouti, Dominica, Dominican Republic, Egypt, Estonia, Eswatini, Fiji, Finland, France, Gabon, Georgia, Germany, Ghana, Greece, Grenada, Guyana, Hungary, Iceland, India, Iran (Islamic Republic of), Iraq, Ireland, Italy, Jamaica, Japan, Jordan, Kazakhstan, Kenya, Kiribati, Kuwait, Kyrgyzstan, Lao People's Democratic Republic, Latvia, Lebanon, Lesotho, Libya, Liechtenstein, Lithuania, Luxembourg, Madagascar, Maldives, Mali, Malta, Marshall Islands, Mauritius, Micronesia (Federated States of), Monaco, Mongolia, Montenegro, Morocco, Nauru, Nepal, Netherlands (Kingdom of the), New Zealand, North Macedonia, Norway, Oman, Palau, Palestine, Papua New Guinea, Philippines, Poland, Portugal, Qatar, Republic of Korea, Republic of Moldova, Romania, Rwanda, Saint Kitts and Nevis, Saint Lucia, Saint Vincent and the Grenadines, Samoa, San Marino, Sao Tome and Principe, Saudi Arabia, Serbia, Seychelles, Singapore, Slovakia, Slovenia, Solomon Island, South Africa, South Sudan, Spain, Sri Lanka, Suriname, Sweden, Switzerland, Syrian Arab Republic, Tajikistan, Thailand, Timor-Leste, Togo, Tonga, Trinidad and Tobago, Tunisia, Türkiye, Turkmenistan, Tuvalu, Ukraine, United Arab Emirates, United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland, United States of America, Uruguay, Uzbekistan, Vanuatu, Vietnam, Yemen.

High risk countries

Belarus, Democratic People's Republic of Korea, Myanmar, Russian Federation.

SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA THEO ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG EUDR



Cập nhật danh sách phân loại rủi ro (benchmarking) và phương pháp luận, bao gồm xem xét cấp địa phương, dự kiến thực hiện đầu năm 2026 sau khi FAO công bố FRA 2025 (giai đoạn 2020–2025) vào tháng 10/2025

https://environment.ec.europa.eu/publications/commission-implementing-regulation-laying-down-rules-application-deforestation-regulation_en

EUDR ĐƯỢC THỰC THI NHƯ THẾ NÀO?

Thực thi

Trước khi thông quan = trước khi đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu: kiểm tra Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình bởi cơ quan có thẩm quyền; kiểm tra ngay lập tức nếu phát hiện rủi ro không tuân thủ.

Thị trường nội địa: kiểm tra bởi các **cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên** (Rủi ro thấp: 1% | Rủi ro tiêu chuẩn: 3% | Rủi ro cao: 9%).

Hệ thống thông tin của EU về EUDR

Được hỗ trợ bởi **Hệ thống thông tin kỹ thuật số** do Ủy ban Châu Âu quản lý. European Union Information System for Deforestation-Free Products

Đây là nền tảng kỹ thuật số trung tâm được xây dựng để:

1. **Tiếp nhận và quản lý Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS)** từ các **EU operators**.
2. **Gắn số tham chiếu (reference number)** cho mỗi DDS để sử dụng trong việc truy xuất nguồn gốc suốt chuỗi cung ứng.
3. **Chia sẻ thông tin với các cơ quan có thẩm quyền** của EU để giám sát, kiểm tra và thực thi pháp luật.
4. **Cung cấp nền tảng tích hợp** giữa các bên liên quan (doanh nghiệp, cơ quan giám sát, trader)

EUDR ĐƯỢC THỰC THI NHƯ THẾ NÀO?

Xử phạt (Điều 25- 26)

- Tiền phạt tương xứng với thiệt hại môi trường và giá trị hàng hóa (**4% doanh thu hàng năm toàn cầu** của doanh nghiệp vi phạm)
- Tịch thu hàng hóa và lợi nhuận từ việc bán hàng của sản phẩm đó
- Tạm thời loại trừ khỏi đấu thầu công và tiếp cận nguồn tài trợ công tối đa 12 tháng
- Tạm thời cấm đưa ra thị trường EU hoặc xuất khẩu khỏi thị trường EU
- Cấm sử dụng quy trình trách nhiệm giải trình đơn giản

Vai trò của bên thứ ba

- **Những lo ngại có căn cứ** từ các bên thứ ba có thể được gửi đến cơ quan có thẩm quyền và DN
- Các cá nhân hoặc tổ chức có quyền lợi liên quan có thể yêu cầu **cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên EU** xem xét lại quyết định hành chính, hoặc khởi kiện nếu cho rằng cơ quan đó xử lý không đúng quy định.



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz

Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1972

3. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHÍNH TRONG VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA EUDR

VĂN BẢN PHÁP LÝ EUDR

Điều 2
(X)

L 150/206

EN

Official Journal of the European Union

9.6.2023

REGULATION (EU) 2023/1115 OF THE EUROPEAN PARLIAMENT AND OF THE COUNCIL of 31 May 2023

on the making available on the Union market and the export from the Union of certain
commodities and products associated with deforestation and forest degradation and repealing
Regulation (EU) No 995/2010

(Text with EEA relevance)

THE EUROPEAN PARLIAMENT AND THE COUNCIL OF THE EUROPEAN UNION,

Having regard to the Treaty on the Functioning of the European Union, and in particular Article 192(1) thereof,

Having regard to the proposal from the European Commission,

After transmission of the draft legislative act to the national parliaments,

Having regard to the opinion of the European Economic and Social Committee ⁽¹⁾,

After consulting the Committee of the Regions,

Acting in accordance with the ordinary legislative procedure ⁽²⁾,

Whereas:

- (1) Forests provide a broad variety of environmental, economic and social benefits, including timber and non-wood forest products and environmental services essential for humankind, as they harbour most of the Earth's terrestrial biodiversity. They maintain ecosystem functions, help protect the climate system, provide clean air and play a vital role for the purification of waters and soils as well as for water retention and recharge. Large forest areas act as a moisture source and help prevent desertification of continental regions. In addition, forests provide

Article 2

Definitions

For the purposes of this Regulation, the following definitions apply:

- (1) 'relevant commodities' means cattle, cocoa, coffee, oil palm, rubber, soya and wood;
- (2) 'relevant products' means products listed in Annex I that contain, have been fed with or have been made using relevant commodities;
- (3) 'deforestation' means the conversion of forest to agricultural use, whether human-induced or not;
- (4) 'forest' means land spanning more than 0,5 hectares with trees higher than 5 metres and a canopy cover of more than 10 %, or trees able to reach those thresholds in situ, excluding land that is predominantly under agricultural or urban land use;
- (5) 'agricultural use' means the use of land for the purpose of agriculture, including for agricultural plantations and set-aside agricultural areas, and for rearing livestock;
- (6) 'agricultural plantation' means land with tree stands in agricultural production systems, such as fruit tree plantations, oil palm plantations, olive orchards and agroforestry systems where crops are grown under tree cover; it includes all plantations of relevant commodities other than wood; agricultural plantations are excluded from the definition of 'forest';
- (7) 'forest degradation' means structural changes to forest cover, taking the form of the conversion of:
 - (a) primary forests or naturally regenerating forests into plantation forests or into other wooded land; or
 - (b) primary forests into planted forests;

ĐỊNH NGHĨA: RỪNG/FOREST

Tiếng Anh

Forest in FAO's Definition: *“land spanning more than 0,5 hectares with trees higher than 5 metres and a canopy cover of more than 10 %, or trees able to reach those thresholds in situ, excluding land that is predominantly under agricultural or urban land use”*

Forest

= land spanning > 0.5 ha

+ trees higher than 5 m

+ a canopy cover of **> 10%**

(excludes land that is under agricultural or urban land use)

Tiếng Việt

Rừng theo định nghĩa của FAO: *“Là diện tích đất có quy mô lớn hơn 0,5 ha, có cây cao trên 5 mét và độ tàn che hơn 10%, hoặc có cây có khả năng đạt đến các ngưỡng này tại chỗ, và không bao gồm đất chủ yếu được sử dụng cho mục đích nông nghiệp hoặc đô thị”.*

Rừng:

= diện tích đất trải dài **> 0.5 ha**

+ cây cao hơn (trung bình) **5 mét**

+ độ che phủ của tán cây **> 10%**

(không bao gồm diện tích đất chủ yếu được sử dụng cho nông nghiệp hoặc đất đô thị)

ĐỊNH NGHĨA: MẤT RỪNG/DEFORESTATION

Tiếng Anh

Deforestation is defined as **the conversion of forest to agricultural use, whether human-induced or not.**

‘agricultural use’ means the use of land for the purpose of agriculture, including for agricultural plantations and set-aside agricultural areas, and for rearing livestock

Tiếng Việt

Mất rừng có nghĩa là **chuyển đổi rừng cho sử dụng nông nghiệp, dù là do con người hay không.**

‘sử dụng nông nghiệp’ nghĩa là việc sử dụng đất cho mục đích nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng cây nông nghiệp và đất nông nghiệp bỏ hoang, và cho chăn nuôi gia súc.

ĐỊNH NGHĨA: SUY THOÁI RỪNG (FOREST DEGRADATION)

Tiếng Anh

The conversion of **primary forests** or **naturally regenerating forests** into plantation forests or into other wooded land; or primary forests into planted forests;

Tiếng Việt

Việc chuyển đổi **rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên** thành rừng trồng hoặc đất rừng khác; hoặc chuyển đổi rừng nguyên sinh thành rừng trồng.

Lưu ý: Rừng sẽ không bị coi là mất rừng hoặc suy thoái rừng, nếu bị tác động bởi các quá trình khác (VD: cháy rừng, chấn gió)

ĐỊNH NGHĨA: NÔNG LÂM KẾT HỢP/AGROFORESTRY

Tiếng Anh

Agroforestry systems **are not considered forests**, but agricultural land.

For example, Coffee plantations fall under 'agricultural use' and are not considered a 'forest' under the EUDR.

Tiếng Việt

Các hệ thống nông lâm kết hợp **không được coi là rừng** mà là đất nông nghiệp.

Ví dụ, các vườn cà phê được trồng trên đất thuộc phạm vi 'sử dụng đất nông nghiệp' và không được coi là 'rừng' theo EUDR.

Lưu ý: Các sản phẩm từ hệ thống nông lâm kết hợp được thiết lập **sau ngày hạn chót** (cut off date) (chuyển đổi từ rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp) **không được coi là** “không gây mất rừng”.

ĐỊNH NGHĨA: KHÔNG GÂY MẤT RỪNG/DEFORESTATION FREE

Tiếng Anh

That the relevant products contain, have been fed with or have been made using, relevant commodities that were produced on land that **has not been subject to deforestation** after 31 December, 2020; and

In the case of relevant products that contain or have been made using wood, that the wood has been harvested from the forest **without inducing forest degradation** after 31 December, 2020

Tiếng Việt

Các sản phẩm liên quan đó có chứa, được nuôi bằng hoặc được sản xuất từ các loại hàng hóa có liên quan mà được sản xuất trên đất **không bị mất rừng** sau ngày 31 tháng 12 năm 2020; và

Trong trường hợp các sản phẩm liên quan có chứa hoặc được sản xuất từ gỗ, thì gỗ đó phải được khai thác từ rừng **mà không gây suy thoái rừng** sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

ĐỊNH NGHĨA: SẢN XUẤT HỢP PHÁP/LEGAL PRODUCTION

Tiếng Anh

The laws applicable in the country of production concerning the legal status of the area of production in terms of:

- (a) **land use rights;**
- (b) **environmental protection;**
- (c) forest-related rules, including forest management and biodiversity conservation, where directly related to wood harvesting;
- (d) third parties' rights

Tiếng Việt

Các luật áp dụng tại quốc gia sản xuất liên quan đến tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất về các khía cạnh:

- (a) **quyền sử dụng đất;**
- (b) **bảo vệ môi trường;**
- (c) các quy định liên quan đến rừng, bao gồm quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, trong phạm vi liên quan trực tiếp đến việc khai thác gỗ;
- (d) quyền của bên thứ ba.

ĐỊNH NGHĨA: SẢN XUẤT HỢP PHÁP/LEGAL PRODUCTION (tiếp)

Tiếng Anh

The laws applicable in the country of production concerning the legal status of the area of production in terms of:

- (e) labour rights;
- (f) human rights protected under international law
- (g) the principle of free, prior and informed consent (FPIC), including as set out in the UN Declaration on the Rights of Indigenous Peoples (UNDRIP);
- (h) tax, anti-corruption, trade and customs regulations.

Tiếng Việt

Các luật áp dụng tại quốc gia sản xuất liên quan đến tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất về các khía cạnh:

- (e) quyền lao động;
- (f) quyền con người được bảo vệ theo luật pháp quốc tế;
- (g) nguyên tắc đồng thuận tự nguyện, được thông tin đầy đủ và có sự tham vấn trước (FPIC), bao gồm cả quy định trong Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người bản địa (UNDRIP);
- (h) các quy định về thuế, chống tham nhũng, thương mại và hải quan.

ĐỊNH NGHĨA: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ / GEOLOCATION

Tiếng Anh

Operators must submit the geolocation of all plots of land where relevant commodities were produced:

- Plots of land with less than 4 ha and cattle establishments: **one single geolocation point** (latitude and longitude) required and using **at least six decimal digits (e.g. 21.567890; 105.123456)**
- For plots **larger than 4 ha** used for commodities other than cattle: **polygons outlining the shape** of the plot of land are necessary.

Tiếng Việt

Các Nhà nhập khẩu EU (Operators) phải nộp thông tin tọa độ địa lý của tất cả các thửa đất nơi sản xuất các loại hàng hóa liên quan:

- Đối với các thửa đất **nhỏ hơn 4 ha** và cơ sở chăn nuôi gia súc: yêu cầu cung cấp **một điểm tọa độ duy nhất** (vĩ độ và kinh độ) với **6 chữ số thập phân (VD. 21.567890; 105.123456)**.
- Đối với các thửa đất **lớn hơn 4 ha** dùng để sản xuất các hàng hóa khác ngoài gia súc: **cần cung cấp tọa độ đa điểm hình đa giác** (polygon) để xác định ranh giới thửa đất.

KHÁC BIỆT VỀ MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA CHÍNH GIỮA **EUDR** VÀ **VBPL CỦA VN**

Định nghĩa

EUDR

Văn bản Pháp luật Việt Nam

RỪNG

Rừng: FAO

= diện tích đất trải dài > **0.5 ha**
+ cây cao hơn (trung bình) **5 mét**
+ độ che phủ của tán cây > **10%**
(**không bao gồm** diện tích đất chủ yếu
được sử dụng cho nông nghiệp hoặc đất
đô thị)

Rừng (Luật LN 2017)

= diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên
+ độ tàn che từ 0,1 trở lên
Lưu ý: Rừng của VN phải căn cứ theo QH SDD, cụ thể các
tiêu chí định nghĩa về rừng chỉ được áp dụng trên đất quy
hoạch là LN

MẮT RỪNG

Mất rừng có nghĩa là chuyển đổi rừng cho
sử dụng nông nghiệp, dù là do con người
hay không.

Không có định nghĩa về mất rừng trong Luật LN
Nhưng trong ND 35 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực
LN **phá rừng trái pháp luật là: Hành vi chặt, đốt, phá
cây rừng, đào, bới, san ủi, nổ mìn;.... hoặc các hành
vi khác gây thiệt hại đến rừng với bất kỳ mục đích gì**



Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz
Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1974

KHÁC BIỆT VỀ MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA

Định nghĩa

EUDR

Văn bản Pháp luật Việt Nam

SUY THOÁI RỪNG

Việc chuyển đổi **rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên** thành rừng trồng hoặc đất rừng khác hay chuyển đổi rừng nguyên sinh thành rừng trồng.

Suy thoái rừng là “*sự suy giảm về hệ sinh thái rừng, làm giảm chức năng của rừng*” (Khoản 31, Điều 2 Luật LN 2017)

NÔNG LÂM KẾT HỢP

Các hệ thống nông lâm kết hợp không được coi là rừng mà là **đất nông nghiệp**.

Không có ĐN về NLKH trong Luật LN
Tuy nhiên, **NLKH là hình thức SX hợp pháp trên đất LN** (RPH và RSX), được cho phép trong khuôn khổ PL nếu không làm thay đổi mục đích sử dụng đất rừng và không làm suy giảm chức năng của rừng. (Điều 25, Điều 30, NĐ 156/2018/NĐ-CP)



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

4. TÁC ĐỘNG CỦA EUDR ĐẾN CHUỖI CUNG ỨNG VIỆT NAM

EUDR TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO?



Cà phê

710,000 ha - XK: 5,48 tỷ USD, 40-60% XK sang EU (2-2,5 tỷ USD)



Cao su

918,000 ha - XK: 10,2 tỷ USD
(EU: 254 triệu USD)



Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Gỗ rừng trồng tập trung 281,800ha, 116,3 triệu cây phân tán. Sản lượng 20,84 triệu m³. XK: 16,25 tỷ USD (EU: 533 triệu USD)



Cacao



Đỗ tương



Dầu cọ



Chăn nuôi

TÁC NHÂN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG CẦN CHUẨN BỊ GÌ?

Tác nhân trong chuỗi cung ứng	Thông tin cần thu thập cho EUDR (Lưu ý: Theo EUDR, nông dân và các tác nhân đầu chuỗi không có nghĩa vụ cung cấp dữ liệu, nhưng họ có lợi ích trực tiếp khi tham gia cung cấp thông tin)
Nông hộ/HTX trồng cà phê/cao su/rừng	Thu thập tọa độ địa lý lô đất, bằng chứng không gây mất rừng sau năm 2020, tính hợp pháp của lô đất trồng
Người khai thác/thu hoạch cà phê/mủ cao su	Ghi nhận nguồn gốc và thời điểm khai thác, thông tin về tọa độ địa lý lô đất
Thương nhân/DN thu mua nguyên liệu và chế biến	Lưu trữ thông tin truy xuất, tọa độ địa lý, giấy tờ hợp pháp nguyên liệu, cung cấp cho đối tác EU khi có yêu cầu
DN nhập khẩu gỗ/cao su	Kiểm soát nguồn gốc hợp pháp và dữ liệu tọa độ địa lý nguyên liệu NK
DN xuất khẩu gỗ/cà phê/cao su	Cung cấp dữ liệu địa lý, hồ sơ pháp lý và thông tin truy xuất theo yêu cầu đối tác EU
Cơ quan QLNN các cấp	Cung cấp/xác nhận giấy tờ, phối hợp giám sát, chia sẻ dữ liệu

EUDR CÓ Ý NGHĨA GÌ ĐỐI VỚI NÔNG HỘ NHỎ VÀ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SMES) NGOÀI EU?

- Quy định EUDR đưa ra yêu cầu đối với các công ty:
 - nhập khẩu các mặt hàng và sản phẩm có liên quan,
 - bán các mặt hàng và sản phẩm có liên quan được sản xuất trong EU trên thị trường EU,
 - xuất khẩu các mặt hàng và sản phẩm có liên quan từ EU,
 - và giao dịch các mặt hàng và sản phẩm có liên quan trong nội bộ EU.

Vì EUDR không quy định một tiêu chuẩn trách nhiệm giải trình bắt buộc nào, nên mỗi công ty sẽ tự xây dựng hệ thống trách nhiệm giải trình riêng, dẫn đến các cách tiếp cận khác nhau đối với các nông hộ nhỏ và SMEs cung cấp cho họ.

- EUDR không đưa ra yêu cầu trực tiếp đối với các quốc gia hay nhà sản xuất ở nước thứ ba.
- Các nông hộ nhỏ không trực tiếp đưa sản phẩm liên quan vào thị trường EU sẽ không có nghĩa vụ pháp lý trực tiếp. Tuy nhiên, họ có thể được yêu cầu bởi đối tác kinh doanh (ví dụ: người mua) cung cấp thông tin về sản xuất của mình, đặc biệt là về đất đai sản xuất.

EUDR có ý nghĩa gì đối với nông hộ nhỏ và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) ngoài EU?

Đối với nông hộ nhỏ

1. Không phá rừng = không chuyển đổi rừng thành đất nông nghiệp, kể cả rừng trồng nông lâm kết hợp hoặc các đồn điền cao su, cọ dầu, gỗ.
2. Sản xuất hợp pháp = tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật quốc gia có liên quan.
3. Thu thập tọa độ địa lý của từng lô đất sản xuất các mặt hàng thuộc phạm vi EUDR.
4. Sẵn sàng cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết cho người mua.

Đối với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ

1. Đảm bảo chỉ thu mua từ những nhà sản xuất sản xuất hợp pháp và không gây phá rừng.
2. Thu thập tọa độ địa lý của các lô đất mà doanh nghiệp thu mua sản phẩm.
3. Tách biệt các sản phẩm tuân thủ EUDR với các sản phẩm có nguồn gốc không rõ ràng hoặc không tuân thủ EUDR ở tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng.
4. Cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết cho người mua.



Lợi ích của EUDR đối với các nông hộ

- Sở hữu dữ liệu tọa độ địa lý giúp các nông hộ có vị thế lớn hơn và độc lập hơn trong chuỗi giá trị, mở ra cơ hội tham gia nhiều chuỗi cung ứng trực tiếp và đạt được mức giá công bằng hơn.
- Tính minh bạch, khả năng truy xuất nguồn gốc và sản xuất bền vững có thể giúp gia tăng thu nhập cho các nông hộ.
- Tập trung vào sản xuất bền vững cũng có thể dẫn đến việc nông hộ nhận được mức giá công bằng hơn.
- Hưởng lợi từ hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực do các đối tác kinh doanh cần trao đổi thông tin và tuân thủ quy định.
- Trong trường hợp vi phạm quyền sử dụng đất, các nông hộ hoặc đại diện có thể nêu quan ngại chính đáng với doanh nghiệp và cơ quan thẩm quyền của EU, qua đó đấu tranh để bảo vệ quyền lợi đất đai.

Lợi ích của EUDR đối với các nông hộ

- EU đang tăng cường hợp tác với các quốc gia đối tác, thúc đẩy sự tham gia và đảm bảo lợi ích cho các nông hộ.
- Nếu phát hiện rủi ro phá rừng, các công ty có nghĩa vụ áp dụng biện pháp giảm thiểu rủi ro, bao gồm những hoạt động có lợi như hỗ trợ xây dựng năng lực và đầu tư cho nhà sản xuất.
- Trong quá trình đánh giá rủi ro, các công ty phải tham vấn và hợp tác với cộng đồng bản địa và địa phương. Điều này giúp tiếng nói của các nhóm dễ bị tổn thương được lắng nghe, và nếu phát hiện bất lợi, công ty phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro như đã nêu.
- EU hợp tác với các nước đối tác để đảm bảo EUDR được áp dụng thuận lợi, trong đó có sự tham gia trực tiếp của nông hộ nhằm bảo vệ và gia tăng lợi ích cho họ.

CÁC BIỆN PHÁP ĐI KÈM EUDR

Các câu hỏi thường gặp (Frequently Asked Questions) (FAQ):

Cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước, các nhà khai thác EU và các bên liên quan khác để hỗ trợ triển khai thực hiện.

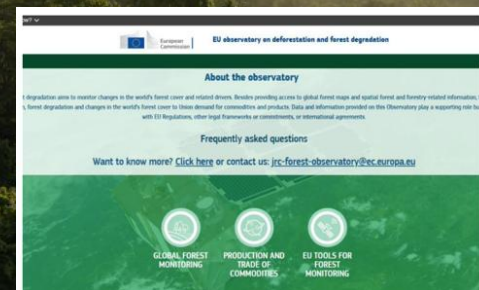
[Link tại đây.](#)

Tài liệu hướng dẫn về các chủ đề chuyên đề đang được phát triển (ví dụ: định nghĩa về mục đích sử dụng nông nghiệp, tính hợp pháp hoặc chứng nhận [Link tại đây.](#)

Hệ thống thông tin (Điều 33): Hệ thống kỹ thuật số để nộp Tuyên bố Trách nhiệm giải trình (DDS). [Registration.](#)

Đài quan sát EU về mất rừng và suy thoái rừng:

[Link to Map.](#) Thêm thông tin [tại đây.](#)





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit GIZ GmbH

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thông tin tổng thể về EUDR

<https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2023/1115/oj/eng>
https://environment.ec.europa.eu/topics/forests/deforestation/regulation-deforestation-free-products_en

Thông tin cho các nông hộ

<https://www.eeas.europa.eu/eudr-smallholders-vietnam>

Các biện pháp hỗ trợ thực hiện EUDR

https://www.eeas.europa.eu/eudr-accompanying-measures-vietnam_vi

Các câu hỏi thường gặp

https://www.eeas.europa.eu/eudr-faq-vietnam_vi?s=184-

Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng

https://www.eeas.europa.eu/guidance-doc-eudr_vi



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

BÀI 2

Truy xuất nguồn gốc và sản xuất hợp pháp theo EUDR

Khóa tập huấn về Quy định không gây mất rừng
của Liên minh Châu Âu (EUDR)



Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit GmbH

MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

Sau bài giảng này, HV sẽ:

- ✓ Nắm được các yêu cầu của EUDR về trách nhiệm giải trình
- ✓ Hiểu được các thuận lợi và khó khăn của 3 ngành trong việc thích ứng với EUD
- ✓ Nắm được các thông tin cần chuẩn bị từ DN cho EUDR



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz

Technical Assistance
for International
Cooperation
GIZ 0044

1. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG EUDR

ĐỊNH NGHĨA VỀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Yêu cầu về thông tin (Điều 9) Trong số những yêu cầu khác, **thông tin về vị trí địa lý phải được thu thập**  Truy xuất nguồn gốc hàng hóa nghiêm ngặt đến tận thửa đất/lô rừng nơi hàng hóa đó được sản xuất. Sử dụng tọa độ địa lý là cách đơn giản và hiệu quả nhất để có được thông tin địa lý cần thiết.

Các nghĩa vụ chính của EUDR về thực hiện trách nhiệm giải trình được áp dụng đối với các EU “operator”,* tức là những đơn vị đầu tiên đưa sản phẩm vào thị trường EU (VD nhà nhập khẩu EU), hoặc những đơn vị xuất khẩu sản phẩm từ EU ra nước ngoài.

Đánh giá rủi ro (Điều 10) Tiêu chí bao gồm: tình trạng mất rừng phổ biến, yêu cầu hợp lý của người dân bản địa, nguy cơ lách luật, chứng nhận,...

Giảm thiểu rủi ro (Điều 11) Trong số những điều khác, yêu cầu thông tin bổ sung + hỗ trợ các nhà cung cấp, đặc biệt là các hộ nông dân nhỏ, thông qua việc xây dựng năng lực và đầu tư

**Các công ty không phải SME (doanh nghiệp vừa và nhỏ) cũng phải thực hiện Trách nhiệm giải trình (due diligence) nếu họ kinh doanh các hàng hóa và sản phẩm liên quan trong thị trường EU, nhưng điều này ít liên quan hơn đối với các bên liên quan ở khu vực Đông Nam Á.*

- Kiểm soát rủi ro: bổ sung thông tin; khảo sát độc lập; đánh giá NCC
- Tránh rủi ro: thay đổi chuỗi cung; thay đổi NCC; thay đổi quy trình
- Biện pháp khác: hỗ trợ nông hộ quy mô nhỏ...



- Tên thương mại, loại hình, sản lượng, quốc gia/vùng sản xuất
- Dữ liệu định vị đến từng lô/vườn (điểm GPS nếu diện tích < 4ha; polygon nếu diện tích > 4ha)
- Thông tin truy xuất hàng hóa và người mua hàng
- Báo cáo trách nhiệm giải trình về không gây mất rừng
- Thông tin chứng minh hợp pháp theo luật pháp của Việt Nam

- Kết quả đánh giá rủi ro và xếp hạng các quốc gia
- Diện tích rừng của nước sản xuất
- Hiện diện, tham vấn và tuyên bố của người bản địa
- Mức độ phức tạp của chuỗi cung ứng
- Rủi ro trộn lẫn hàng hóa đến từ các quốc gia khác
- Và các thông tin về rủi ro không đáp ứng EUDR khác

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI NHÀ NHẬP KHẨU EU (EU OPERATORS)



Điều 8. Tuyên bố TNGT bao gồm

- a. Thu thập thông tin cần thiết (Điều 9)
- b. Đánh giá rủi ro (Điều 10)
- c. Giảm thiểu rủi ro (Điều 11)

Điều 2 (1)
7 hàng hóa
liên quan

Điều 8.
Tuyên bố
trách nhiệm
giải trình

Điều 12.
Hệ thống
trách nhiệm
giải trình

Điều 3. Cấm
(Cốt lõi của
EUDR)

Điều 9. Thu
thập thông
tin cần thiết

Điều 11.
Giảm thiểu
rủi ro

Điều 10.
Đánh giá
rủi ro

Điều 9. Thu thập thông tin cần thiết

- Thông tin sản phẩm
- Thông tin sản xuất không gây mất rừng
 - **Tọa độ địa lý** của tất cả các lô đất
(**đơn điểm** nếu $<4\text{ha}$, **đa điểm** nếu $\geq 4\text{ha}$)
 - **Ngày** hoặc **thời gian sản xuất**
- Thông tin sản xuất hợp pháp

Lưu ý:

- Không “**khai vượt mức**”
- Tất cả các thông tin này phải được **thu thập và chuyển giao dọc theo chuỗi cung ứng**, từ người sản xuất đến nhà nhập khẩu EU

Điều 2 (1)
7 hàng hóa
liên quan

Điều 8.
Tuyên bố
trách nhiệm
giải trình

Điều 12.
Hệ thống
trách nhiệm
giải trình

Điều 3. Cấm
(Cốt lõi của
EUDR)

Điều 9. Thu
thập thông
tin cần thiết

Điều 11.
Giảm thiểu
rủi ro

Điều 10.
Đánh giá
rủi ro

Điều 10. Đánh giá rủi ro

- Sản phẩm được sản xuất ở đâu?
- Rủi ro của sản phẩm cụ thể là gì?
- Chuỗi cung ứng có phức tạp không?
- Có dấu hiệu vi phạm PL hay phá rừng không?
- Có thông tin bổ sung về tuân thủ EUDR không?
- Có mối quan ngại nào liên quan đến quốc gia sản xuất không?
- Tất cả các tài liệu chứng minh sự tuân thủ có được NCC cung cấp và có thể xác minh không?

Điều 2 (1)
7 hàng hóa
liên quan

Điều 8.
Tuyên bố
trách nhiệm
giải trình

Điều 12.
Hệ thống
trách nhiệm
giải trình

Điều 3. Cấm
(Cốt lõi của
EUDR)

Điều 9. Thu
thập thông
tin cần thiết

Điều 11.
Giảm thiểu
rủi ro

Điều 10.
Đánh giá
rủi ro

Điều 11. Giảm thiểu rủi ro

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro (nếu có)

- Kiểm soát rủi ro: bổ sung thông tin; khảo sát độc lập; đánh giá NCC
- Tránh rủi ro: thay đổi chuỗi cung; thay đổi NCC; thay đổi quy trình
- Biện pháp khác: hỗ trợ nông hộ...

Rủi ro phải được giảm thiểu nhằm đảm bảo **“không có hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể”**.



Điều 12. Hệ thống DDS

- Để đảm bảo tuân thủ Điều 3, nhà nhập khẩu EU phải thiết lập và duy trì **hệ thống trách nhiệm giải trình**, báo cáo và lưu giữ hồ sơ
- Hệ thống được rà soát ít nhất một năm một lần



Không gây mất rừng
(tính từ 31/12/2020)

Tuân thủ
luật pháp nước sở tại

Tuyên bố
trách nhiệm giải trình

Chuỗi cung ứng XK gỗ, cao su và cà phê Việt Nam (tối giản)

Người
sản xuất

Đại lý,
thương lái

Cơ sở
chế biến

Nhà xuất
khẩu VN

EUDR
↓
Nhà nhập
khẩu EU

Truy xuất nguồn gốc

DN và nông hộ Việt Nam cần cung cấp thông tin
(không gây mất rừng và tính hợp pháp) dọc theo chuỗi cung

QUYỀN SỞ HỮU SỐ LIỆU

1. **Quyền sở hữu dữ liệu** là hành động sở hữu **quyền hợp pháp** và **kiểm soát hoàn toàn** đối với một hoặc một tập hợp các phần tử dữ liệu. Khái niệm này xác định và cung cấp thông tin về **chủ sở hữu hợp pháp** của tài sản dữ liệu và **chính sách thu thập, sử dụng và phân phối dữ liệu** do chủ sở hữu dữ liệu thực hiện.
2. **Chủ sở hữu dữ liệu** có quyền độc quyền trong việc **đọc, chỉnh sửa và xóa dữ liệu**, đồng thời **chịu trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình** về dữ liệu đó.
3. **Dữ liệu thường được xem là một tài sản cạnh tranh**, tốn kém để tạo ra và được nhiều bên tạo ra vì các mục đích khác nhau. Do đó, dữ liệu thường **không được chia sẻ** mà bị **phân mảnh, cô lập, nông hộ không thể tiếp cận và sử dụng được**, điều này phản ánh một **thách thức về quyền sở hữu dữ liệu**.
4. **Cần đảm bảo rằng nông hộ có quyền truy cập vào dữ liệu của họ để họ có thể được hưởng lợi từ quyền sở hữu và quyền tự chủ đối với dữ liệu.**



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

CÂU HỎI



Co-funded by
the European Union



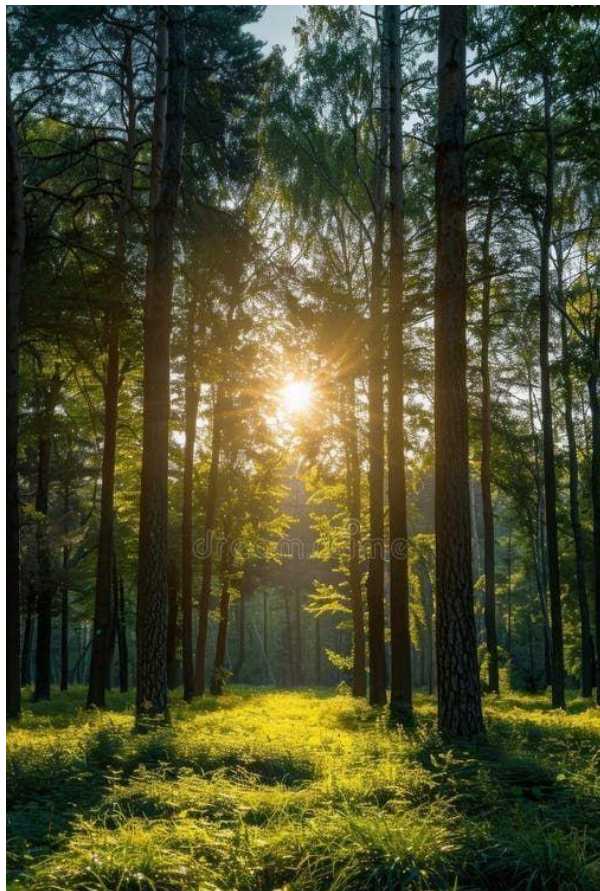
german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

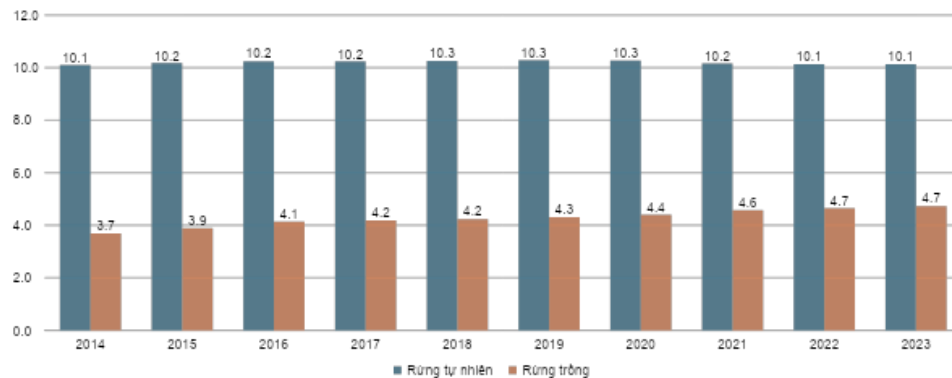
giz

Technical Assistance
to International
Cooperation (GIZ 001)

2. SẢN XUẤT KHÔNG GÂY MẤT RỪNG



DIỄN BIẾN RỪNG (TRIỆU HA)



Nguồn: Diễn biến rừng hàng năm của Cục Kiểm lâm

THUẬN LỢI

- FRMS: **+7,1 triệu lô** rừng có polygon và được cập nhật hàng năm từ 2016
- Theo TT 33/2018, hồ sơ QLR cho chủ rừng Nhóm I có bao gồm kinh độ, vĩ độ và ranh giới, cùng trích đoạn từ bản đồ cấp xã
- MSVT rừng nguyên liệu đang được thí điểm tại 5 tỉnh

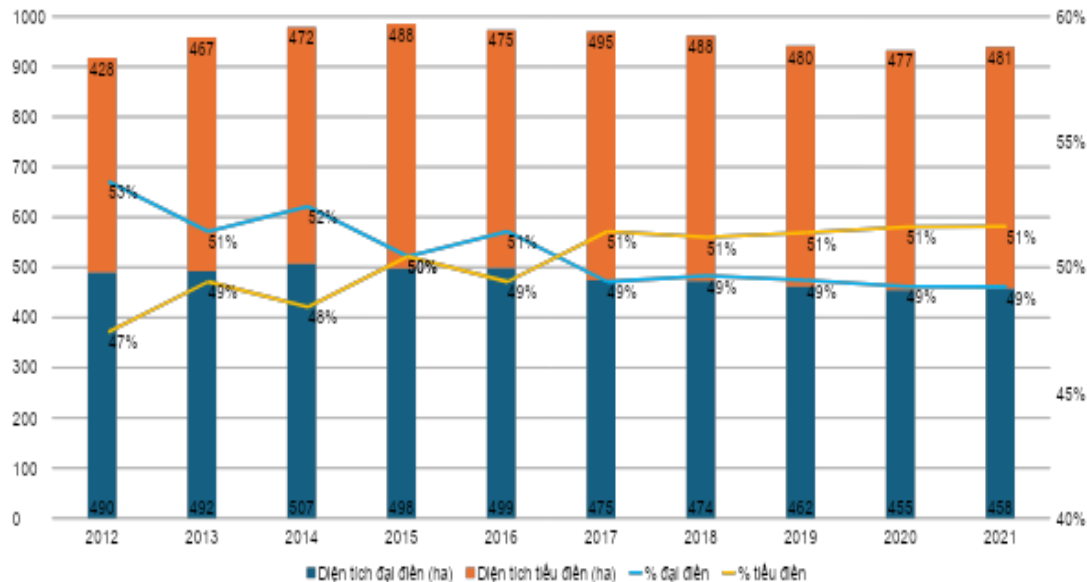
KHÓ KHĂN

- Hệ thống FRMS không được cập nhật ở cấp trung ương trong những năm gần đây



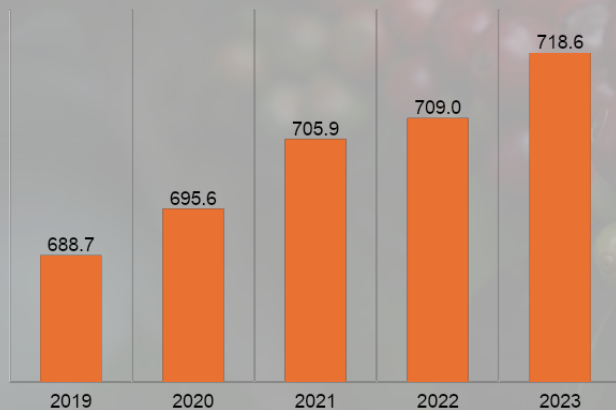


DIỆN TÍCH CAO SU (NGHÌN HA)



Nguồn: Nguyễn Vinh Quang và cộng sự (2018),
 Trần Thị Thủy Hoa và cộng sự (2021)

DIỆN TÍCH CÀ PHÊ (NGHÌN HA)



- Cà phê canh tác trên đất LN từ trước 31/12/2020 **không bị xem là gây mất rừng** theo EUDR.
- MSVT chưa áp dụng cho cà phê.
- Một phần vườn cà phê thuộc chuỗi cung của các DN lớn đã có định vị đơn điểm. Các DN đang thu thập polygon.



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz

Technische Zusammenarbeit
für internationale
Kooperationen seit 1972

CÂU HỎI



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

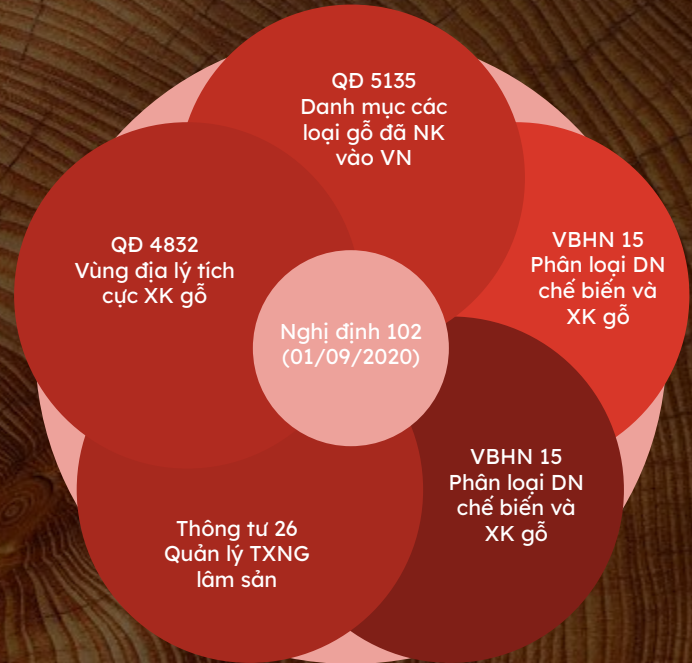
giz Technische Internationale
Zusammenarbeit GIZ GmbH

3. SẢN XUẤT HỢP PHÁP

NGÀNH GỖ



Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp (VNTLAS) được xây dựng từ 9/2020 nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật về gỗ hợp pháp tại từng giai đoạn của chuỗi cung ứng



7 CẤU PHẦN CHÍNH CỦA VNTLAS

Hệ thống quốc gia
áp dụng cho tất cả
các sản phẩm
trong nước và tất
cả các thị trường
xuất khẩu

Các biện pháp áp
dụng cho thị
trường Châu Âu

(1) Định nghĩa gỗ hợp pháp (LD):
Tổ chức và hộ gia đình

(2) Các bằng chứng xác minh
việc tuân thủ pháp luật

(3) Phân loại doanh nghiệp và
xác minh dựa trên rủi ro

(4) Kiểm soát chuỗi cung

(5) Cấp phép FLEGT

(6)
Thanh tra
nội bộ và
cơ chế
phản hồi

(7)
Đánh giá
độc lập

ĐỊNH NGHĨA GỖ HỢP PHÁP THEO VPA (PHỤ LỤC 5)

- **Nguyên tắc I:** Khai thác gỗ trong nước tuân thủ các quy định về quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quản lý, môi trường và xã hội.
- **Nguyên tắc II:** Tuân thủ các quy định về xử lý gỗ tịch thu.
- **Nguyên tắc III:** Tuân thủ các quy định về nhập khẩu gỗ.
- **Nguyên tắc IV:** Tuân thủ các quy định về vận chuyển và buôn bán gỗ.
- **Nguyên tắc V:** Tuân thủ các quy định về chế biến gỗ.
- **Nguyên tắc VI:** Tuân thủ các quy định về xuất khẩu.
- **Nguyên tắc VII:** Tuân thủ các quy định về thuế và lao động.

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

I. Tuân thủ quy định trong việc thành lập và hoạt động của DN	II. Tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp
1. Thành lập DN	1. DN nhập khẩu gỗ
2. Môi trường	2. DN xuất khẩu gỗ
3. PCCC	3. DN chế biến gỗ
4. Thuế, lao động	4. Doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng

Phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ (ECS) được tiến hành từ tháng 5/2021



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
an international
unternehmen seit 1972

NGÀNH CAO SU

Thuận lợi	Khó khăn
DN cao su tuân thủ tốt quy định về lao động, BVMT (ISO 16000)	Một số nông hộ chưa có giấy tờ chứng minh QSDĐ, đất còn tranh chấp, chưa có ranh giới rõ ràng

Nguồn: Nguyễn Vinh Quang và Phạm Đức Thiêng (2025)



Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz globe of international
cooperation

NGÀNH CÀ PHÊ

Đa số vườn cà phê canh tác trên đất lâm nghiệp trước tháng 12/2020 chưa có quyền SDD hợp pháp vì vẫn nằm trong quy hoạch đất lâm nghiệp





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Technische Zusammenarbeit
für internationale
Entwicklung

LƯU Ý CHUNG

Các bên chia sẻ thông tin cần tuân thủ
NĐ 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz

Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1972

CÂU HỎI



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz
Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

4. Truy xuất nguồn gốc

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC (TRACEABILITY)

“Truy xuất nguồn gốc đề cập đến khả năng của một tác nhân liên kết một sản phẩm hoặc đơn vị vật liệu với thông tin về lịch sử vị trí, chủ sở hữu và sự chuyển đổi giữa các điểm trong chuỗi cung ứng, ví dụ như từ địa điểm sản xuất đến người dùng cuối.

Thông tin liên quan đến hàng hóa cũng bao gồm các khía cạnh bền vững tại địa điểm sản xuất, đặc biệt là **mất rừng**”.

Viện tài nguyên thế giới (2023) - Truy xuất nguồn gốc và tính minh bạch trong chuỗi cung ứng mặt hàng nông nghiệp và rừng



TRUY XUẤT NGUỒN GỐC (ĐIỀU 2 (28) + ĐIỀU 9) EUDR

01

Chỉ cần thu thập dữ liệu **một lần**, trừ khi thay đổi khu vực sản xuất.

02

Các hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia và nỗ lực của các hợp tác xã hoặc tổ chức cơ chế chứng nhận về lập bản đồ dữ liệu tọa độ địa lý có thể được sử dụng nếu đáp ứng các yêu cầu.

03

Nếu sản phẩm không được xuất khẩu trực tiếp đến thị trường Châu Âu, đối tác kinh doanh **cần xác minh và chứng minh rằng tọa độ địa lý là chính xác.**

04

Không yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi thu thập dữ liệu định vị toàn cầu (GPS).

05

Để đáp ứng các yêu cầu của EUDR về truy xuất nguồn gốc, cần có dữ liệu tọa độ địa lý từ lô sản xuất của các mặt hàng **VÀ những mặt hàng này không được trộn lẫn với các sản phẩm** trong toàn bộ chuỗi giá trị để có thể truy xuất từng lô hàng theo các tọa độ địa lý có liên quan.

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC (TRACEABILITY) THEO VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ĐIỀU 3 (1)

“Truy xuất nguồn gốc là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh”.

ĐIỀU 3 (2)

“Hệ thống truy xuất nguồn gốc là hệ thống bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, thu thập và lưu trữ thông tin về trạng thái của sản phẩm theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý 1 thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm”

**Theo Thông tư 02/2024/TT-BKHCHN ngày 28/3/2024 của Bộ KHCHN*

CHUỖI CUNG ỨNG GỖ



CHUỖI CUNG ỨNG CAO SU



Nguồn số liệu: Nguyễn Vinh Quang và Phạm Đức Thiêng (2025)

CHUỖI CUNG ỨNG CÀ PHÊ



Nguồn số liệu: EFI (2024)



Hoạt động thu mua mủ cao su (mủ nước và mủ đông)

Vai trò của các hệ thống chứng chỉ trong EUDR

- **Sản phẩm có chứng chỉ không tự động tuân thủ EUDR.**
Các công ty vẫn phải thực hiện **trách nhiệm giải trình**, bất kể sản phẩm có chứng chỉ hay không.
- EUDR chỉ quy định rằng **chứng chỉ là một trong 14 tiêu chí** mà doanh nghiệp có thể xem xét trong quá trình đánh giá rủi ro.
- Tuy nhiên, chứng chỉ có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đáp ứng yêu cầu của EUDR:

01

Sản phẩm có chứng chỉ thường có rủi ro phá rừng và rủi ro vi phạm pháp luật thấp hơn (tùy thuộc vào từng hệ thống chứng chỉ).

02

Việc mua sản phẩm có chứng chỉ giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc thu thập thông tin cần thiết để cung cấp theo yêu cầu của EUDR.

03

Một số hệ thống chứng chỉ có chương trình hỗ trợ nông hộ nhỏ, qua đó gián tiếp hỗ trợ họ trong việc đáp ứng yêu cầu của EUDR.

Bản hướng dẫn EUDR đã đưa ra các tiêu chí mà các chương trình chứng nhận phải đáp ứng để được sử dụng cho việc thu thập thông tin theo EUDR.



VAI TRÒ CỦA CÁC HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ TRONG EUDR

- Các hệ thống chứng chỉ có thể hỗ trợ về những nội dung như lập bản đồ tọa độ địa lý hoặc cung cấp chỉ số để chứng minh tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, chứng chỉ không thay thế trách nhiệm giải trình của các nhà nhập khẩu và doanh nghiệp.
- Để có thông tin chi tiết hơn, nông hộ và doanh nghiệp nên liên hệ với hợp tác xã hoặc tổ chức chứng chỉ mà mình tham gia.

VAI TRÒ CỦA CÁC HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ TRONG EUDR

01

Thu thập thông tin và dữ liệu

- Tên
- Số lượng
- Quốc gia sản xuất
- Tọa độ địa lý của lô đất sản xuất (dữ liệu điểm, đa giác trên 4 ha) và thời gian sản xuất
- Nhà cung cấp sản phẩm
- Người mua sản phẩm
- Bằng chứng về sản xuất chống phá rừng
- Bằng chứng về sản xuất hợp pháp

02

Đánh giá rủi ro

Risk status in benchmarking

- Tính hiện diện của rừng trong nước và khu vực
- Tính hiện diện của các nhóm bản địa
- Tham vấn và hợp tác với các nhóm bản địa
- Tuyên bố có uy tín từ nhóm người bản địa
- Tỷ lệ phá và suy thoái rừng; Độ tin cậy của tài liệu; Một số lo ngại của đất nước, ví dụ: tham nhũng
- Mức độ phức tạp của chuỗi cung ứng
- Nguy cơ vi phạm
- Kết luận của nhóm chuyên gia EU
- Các mối lo ngại có căn cứ

03

Giảm thiểu rủi ro

- Yêu cầu các tài liệu bổ sung
- Xác minh bổ sung thông qua các khảo sát hoặc kiểm toán
- Hỗ trợ cho các nhà sản xuất, đặc biệt là các nông hộ, thông qua cải thiện năng lực và đầu tư

04

Báo cáo trách nhiệm giải trình

- Tên công ty
- Mã HS, tên khoa học, số lượng
- Nước sản xuất và vị trí tọa độ địa lý của tất cả các lô sản xuất
- Tuyên bố về đảm nhận trách nhiệm



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

CÂU HỎI



Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen

BÀI 3

Hướng dẫn xác định tọa độ địa lý

Khóa tập huấn về Quy định không gây mất rừng
của Liên minh Châu Âu (EUDR)



Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1974

1. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH TOẠ ĐỘ ĐỊA LÝ

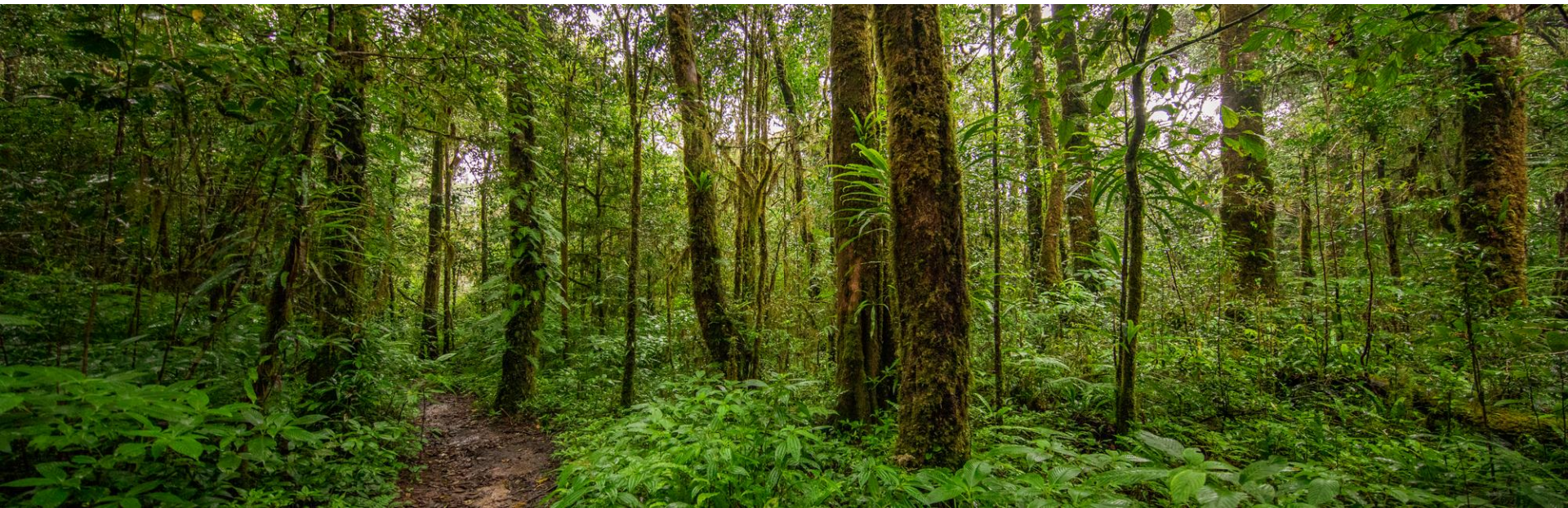


Co-funded by
the European Union

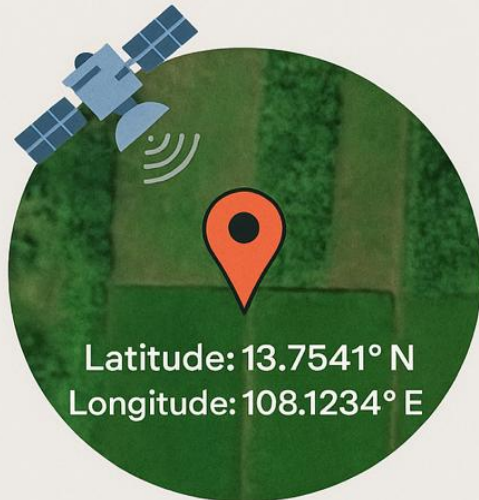


Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
im internationalen
Kooperationsfeld

THẢO LUẬN CHUNG: PHÂN BIỆT TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ (GPS) VÀ TỌA ĐỘ KHÔNG GIAN?

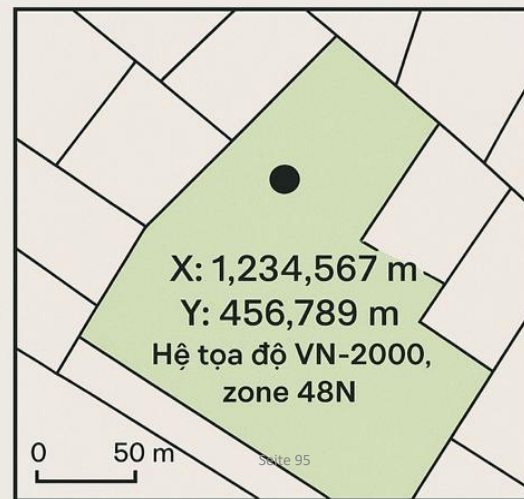


TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ (GPS)



Tọa độ địa lý thể hiện vị trí vườn trên Trái Đất theo hệ tọa độ cầu (WGS84)

TỌA ĐỘ KHÔNG GIAN (HỆ TỌA ĐỘ BẢN ĐỒ)



Tọa độ không gian thể hiện vị trí vườn trên mặt phẳng theo hệ quy chiếu cụ thể như VN-2000, UTM...

TOẠ ĐỘ ĐỊA LÝ & EUDR

Chương 2 | Điều 2

(28) Tọa độ địa lý

Vị trí địa lý xác định bởi ít nhất một cặp vĩ độ và kinh độ

Chương 2 | Điều 2

(27) Lô đất

Lô đất với một đơn vị bất động sản duy nhất, được pháp luật của quốc gia sản xuất công nhận, đủ đồng nhất.



Chương 2 | Điều 2

(29) Thành lập

Bất kỳ cơ sở, công trình hoặc, trong trường hợp chăn nuôi ngoài trời, bất kỳ môi trường hoặc địa điểm nào, nơi gia súc được nuôi giữ, dù là tạm thời hay thường xuyên.



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Định dạng dữ liệu vector (Geo.Json)
- Kinh độ & vĩ độ ở dạng độ thập phân
- Hệ tọa độ tham chiếu: WGS84 (EPSG:4326)
- 6 chữ số thập phân (độ chính xác của tọa độ lên đến 0.1 mét)
- Không cần thêm dữ liệu thuộc tính, chỉ cần hình học thô

TOẠ ĐỘ ĐỊA LÝ & EUDR

Các Nhà nhập khẩu EU (Operators) phải nộp thông tin tọa độ địa lý của tất cả các thửa đất nơi sản xuất các loại hàng hóa liên quan:

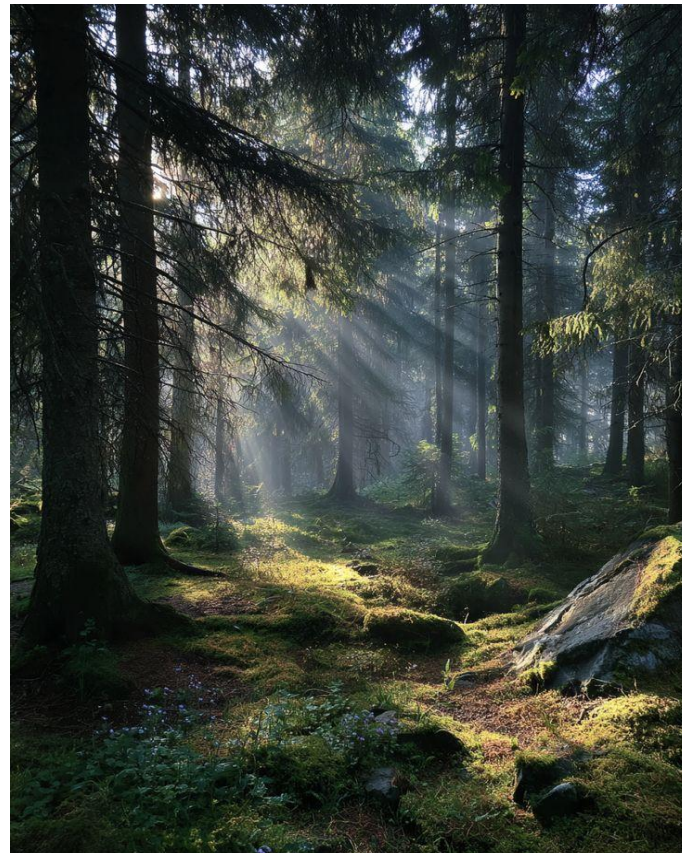
- Đối với các thửa đất nhỏ hơn 4 ha và cơ sở chăn nuôi gia súc: yêu cầu cung cấp một điểm tọa độ duy nhất (vĩ độ và kinh độ).
- Đối với các thửa đất lớn hơn 4 ha dùng để sản xuất các hàng hóa khác ngoài gia súc: cần cung cấp tọa độ đa điểm hình đa giác (polygon) để xác định ranh giới thửa đất.



TOẠ ĐỘ ĐỊA LÝ & EUDR

Vị trí địa lý của một thửa đất được mô tả bằng tọa độ vĩ độ và kinh độ, bao gồm ít nhất một điểm tọa độ (vĩ độ và kinh độ), và phải sử dụng ít nhất 6 chữ số thập phân.

Đối với các thửa đất lớn hơn 4 hecta được sử dụng để sản xuất các loại hàng hóa liên quan (ngoại trừ gia súc), thì thông tin vị trí phải được cung cấp dưới dạng hình đa giác (polygon), với số điểm tọa độ vĩ độ và kinh độ đủ để mô tả chính xác chu vi của từng thửa đất.



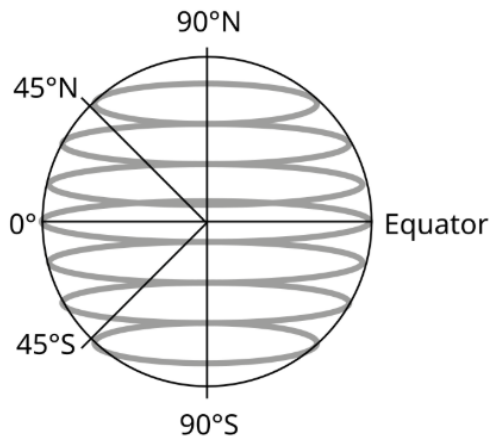
VÍ DỤ VĨ ĐỘ - KINH ĐỘ

13°45'00.00" Bắc,
100°31'01.20" Đông

13.776551555966883,
100.57397323414897

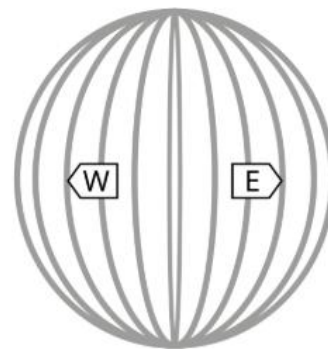
7.19537700558181,
100.58995791835933

Vĩ độ (Bắc/Nam)



Vĩ độ thay đổi từ 0° ở xích đạo đến 90° Bắc và Nam ở hai cực

Kinh độ (Đông/Tây)



Kinh độ thay đổi từ 0° tại Greenwich đến 180° Đông và Tây

1

Tải ứng dụng trên điện thoại
(Ví dụ: Google Earth)

2

Đăng ký, cấp quyền sử dụng định vị

3

Bật GPS và đi theo rìa của cánh đồng

- Đề xuất một đa giác cho lô đất của anh/chị
- Lên kế hoạch trước nơi anh/chị sẽ dừng lại, tuyến đường đi

4

Hoàn thành vòng, kết thúc tại điểm bắt đầu

5

Xuất dưới dạng tệp KML

Thu thập tọa độ địa lý





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz

Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1972



earth.google.com/web/



Incognito



https://earth.google.com/web/



Google Earth





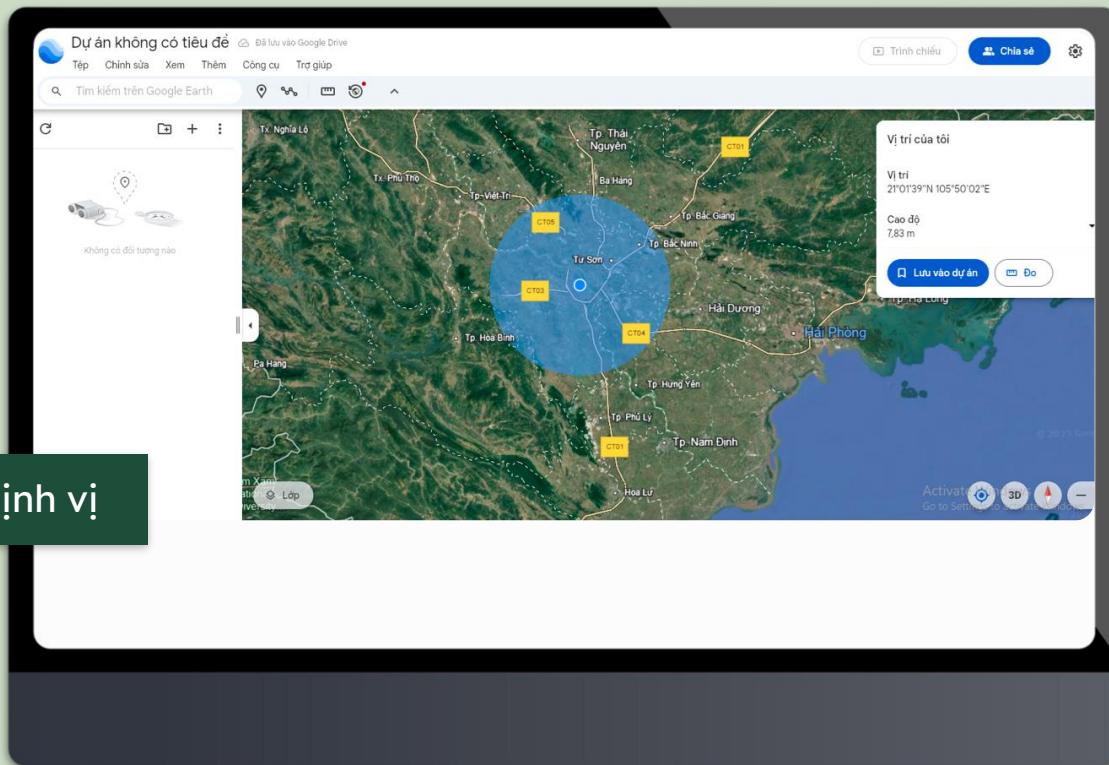
Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

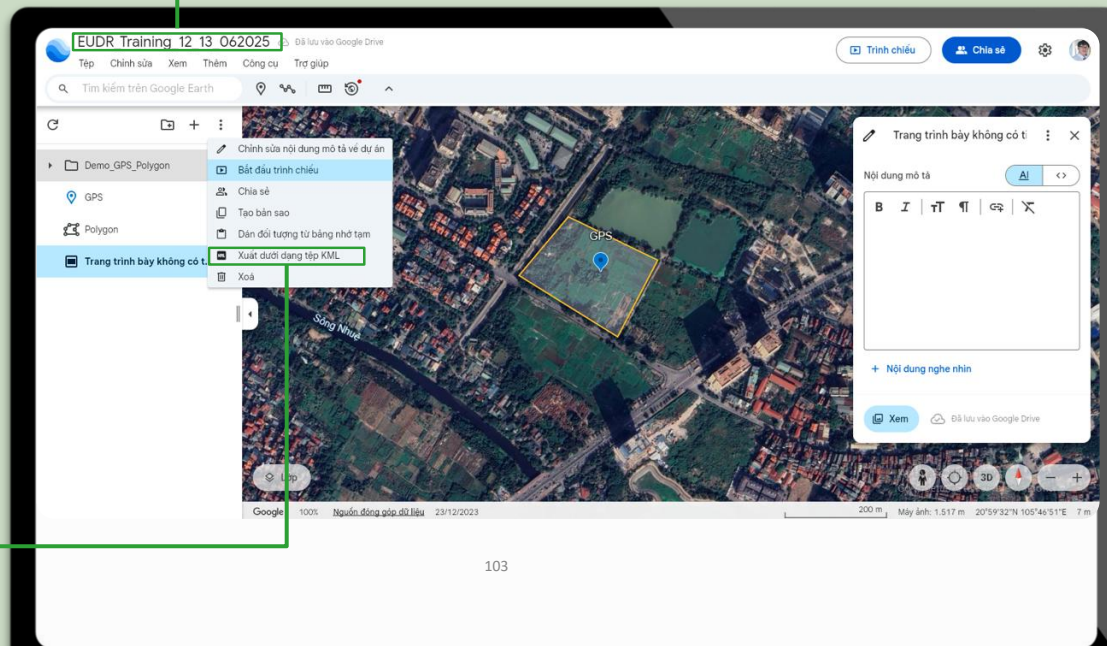
Implemented by
giz
Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1972

Định vị



Đặt tên dự án

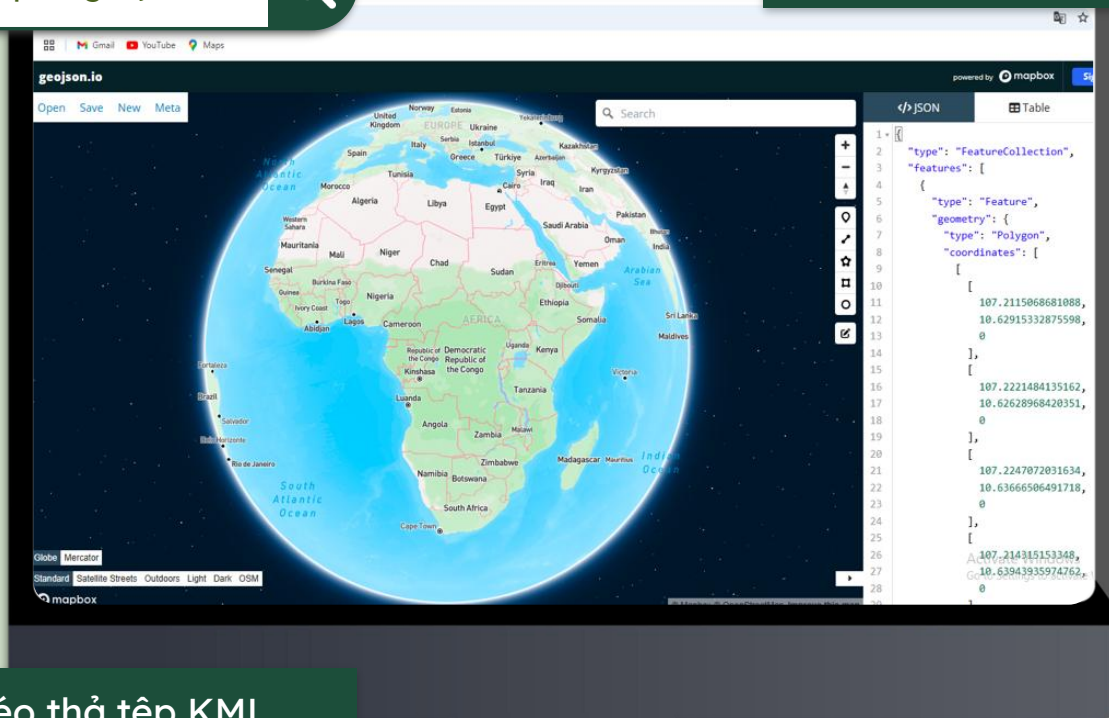
Tải file KML



Chuyển đổi định dạng dữ liệu KML → GeoJSON

GJ

<https://geojson.io>



Thực hiện kéo thả tệp KML
vào khung màn hình



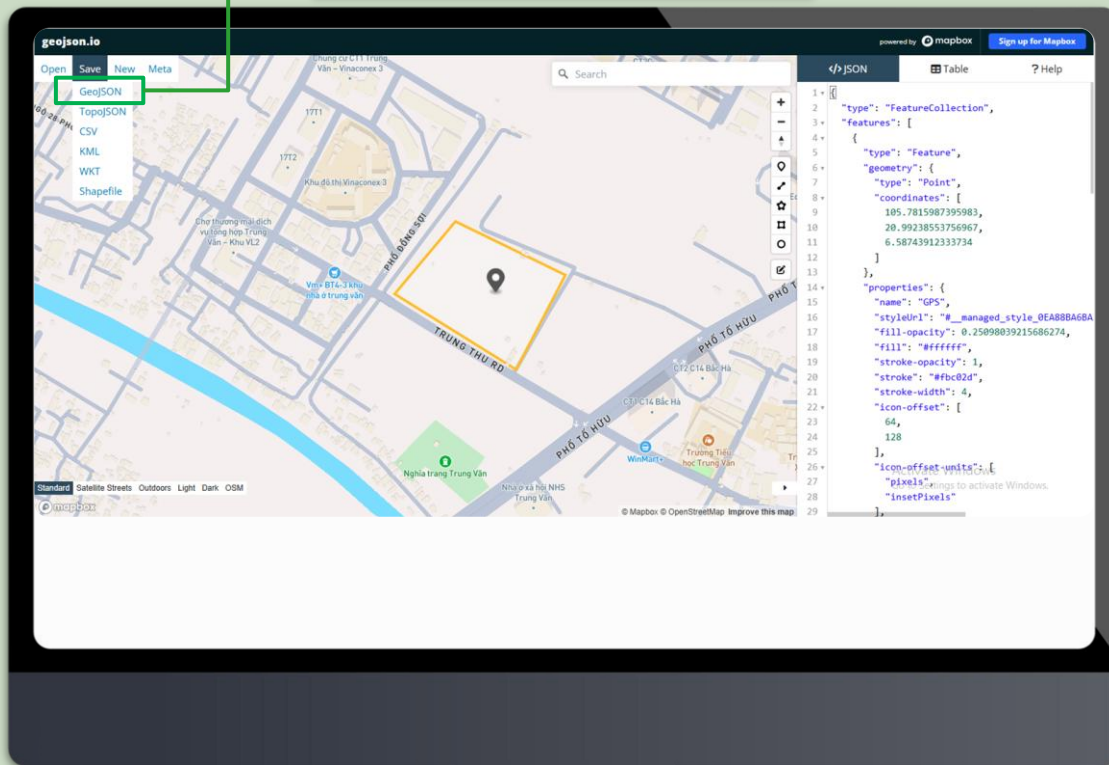
Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz
Technische Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit AG

SAVE → GeoJSON





Co-funded by
the European Union



Implemented by
giz
Technische Universität
Darmstadt 64289 Darmstadt

CÔNG CỤ THU THẬP DỮ LIỆU ĐỊA LÝ TẠI HIỆN TRƯỜNG

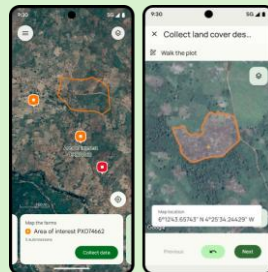
Thiết bị GPS



INATrace



Ứng dụng dành cho thiết bị di động Mặt đất



Kobo Toolbox





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1972

2. KHẢO SÁT THU THẬP DỮ LIỆU TẠI HIỆN TRƯỜNG



DỮ LIỆU CẦN THU THẬP – ĐÚNG & ĐỦ

Loại dữ liệu:

- Point: Lô nhỏ dưới 4 ha → 1 tọa độ [long, lat]
- Polygon: Lô từ 4 ha trở lên → chuỗi điểm tạo đa giác khép kín



EUDR Field	Giải thích	Dữ liệu điền
ProductionPlace	Tên vùng trồng	Plot ID/Mã số lô rừng
Area	Diện tích (ha, kiểu số)	Diện tích lô rừng
ProducerCountry	Mã quốc gia ISO2	VN
ProducerName	Tên người/công ty sản xuất	Farmer ID/ID nông hộ/ID Công ty

VÍ DỤ VỀ CẤU TRÚC DỮ LIỆU THU THẬP NỘI BỘ CHO EUDR

Trường	Ý nghĩa	Kiểu dữ liệu	Vai trò
Plot ID	Mã số lô/vùng trồng	Chuỗi (text)	Dùng để truy xuất và định danh lô
Species	Loại cây trồng	Chuỗi (text)	Thông tin nông học, có thể khai báo
Lat	Vĩ độ của điểm đo	Số thực (float)	Phần của geometry.coordinates
Long	Kinh độ của điểm đo	Số thực (float)	Phần của geometry.coordinates
Area	Diện tích vùng trồng (ha)	Số thực (float)	Bắt buộc trong properties.Area
Date	Ngày thu thập dữ liệu	Chuỗi (yyyy-mm-dd)	Phục vụ kiểm tra, xác minh hiện trường
Farmer ID	Mã định danh người nông dân/hộ sản xuất	Chuỗi (text)	Dùng trong ProducerName
ProducerCountry	Mã quốc gia sản xuất (chuẩn ISO2, ví dụ "VN")	Chuỗi (2 ký tự)	Bắt buộc trong properties.ProducerCountry

DỤNG CỤ & MẪU BIỂU THU THẬP DỮ LIỆU

Thiết bị	Ứng dụng/Phần mềm
Điện thoại	Google Earth, Qfield,
Máy tính	Google Earth, QGIS, geojson.io

Mẫu lưu trữ & đặt tên file:

- **Tên file:** ID Farmer_VN_Acacia_2025-06.geojson
- **Định dạng:** .geojson
- **Hệ tọa độ:** EPSG:4326 (WGS84),
Định dạng: [longitude, latitude],
Độ chính xác: 6 chữ số sau dấu chấm

thập phân,

ví dụ: 105.123456, 21.567890



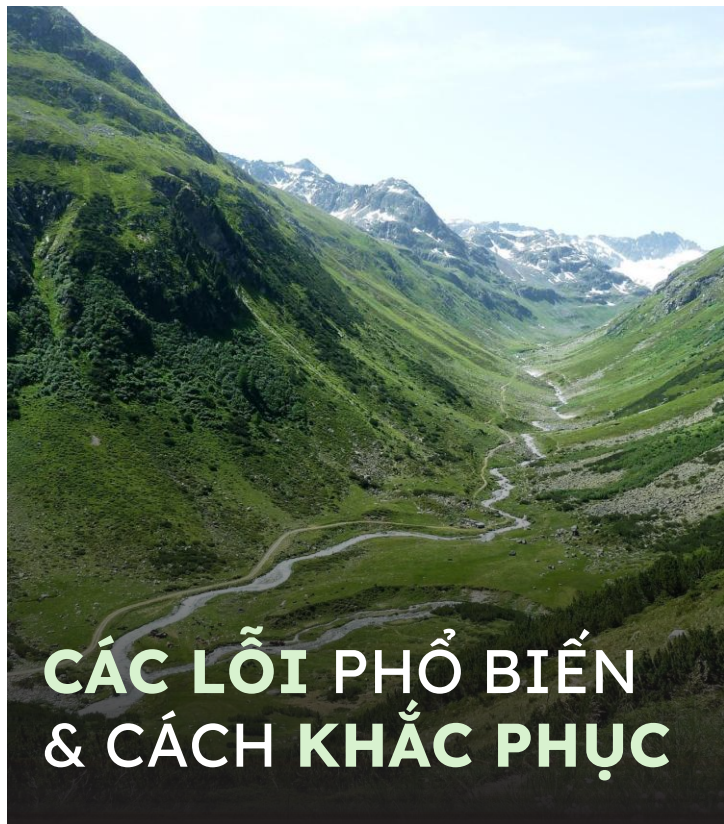
Nên lưu trữ kèm:

- Ảnh GPS (EXIF)
- Biên bản đo đạc
- Mã lô sản phẩm tương ứng (cho truy xuất)

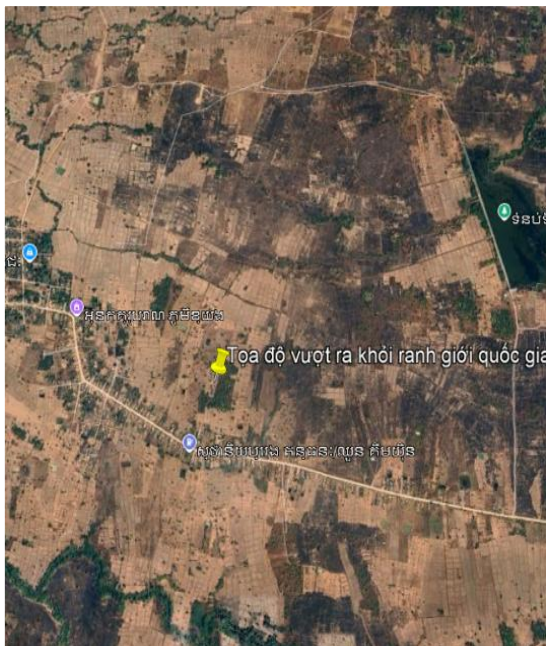
Dạng file:

```
json

{
  "type": "FeatureCollection",
  "features": [
    {
      "type": "Feature",
      "geometry": {
        "type": "Polygon",
        "coordinates": [[[105.123456, 21.567890], ...]]
      },
      "properties": {
        "ProductionPlace": "Plot_001",
        "Area": 2.5,
        "ProducerCountry": "VN",
        "ProducerName": "Nguyen Van A",
        "Species": "Cacao",
        "Date": "2025-06-17"
      }
    }
  ]
}
```



STT	Lỗi kỹ thuật	Nguyên nhân & Cách xử lý
1	Polygon không khép kín	Thêm điểm cuối = điểm đầu
2	Dữ liệu sai hệ tọa độ	Chuyển về EPSG:4326 (decimal degrees)
3	Có lỗ (hole) trong polygon	Tách thành 2 polygon thay vì vòng rỗng
4	Thuộc tính sai chính tả	Đảm bảo tên: ProductionPlace, Area, ProducerCountry
5	Area bị để dạng chuỗi	Ghi Area: 3.2 thay vì "3.2"
6	Dữ liệu vượt 25MB	Đơn giản hóa hình học (Simplify), tách thành nhiều file
7	Tọa độ trùng nhau do làm tròn	Kiểm tra trước khi xuất file, dùng 6 số thập phân
8	LineString / GeometryCollection	Không hợp lệ với EUDR, chỉ dùng Point/Polygon



MỘT SỐ SAI SỐT PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP

- X Tọa độ nằm trong khu vực không có cây trồng.
- X Tọa độ vượt ra khỏi ranh giới quốc gia.



MỘT SỐ SAI SỐT PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP

✗ Tọa độ nằm trong khu vực
không canh tác nông nghiệp.



MỘT SỐ SAI SỐT PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP

✗ Polygon chứa nhiều diện tích khác không phải vườn. Ví dụ:

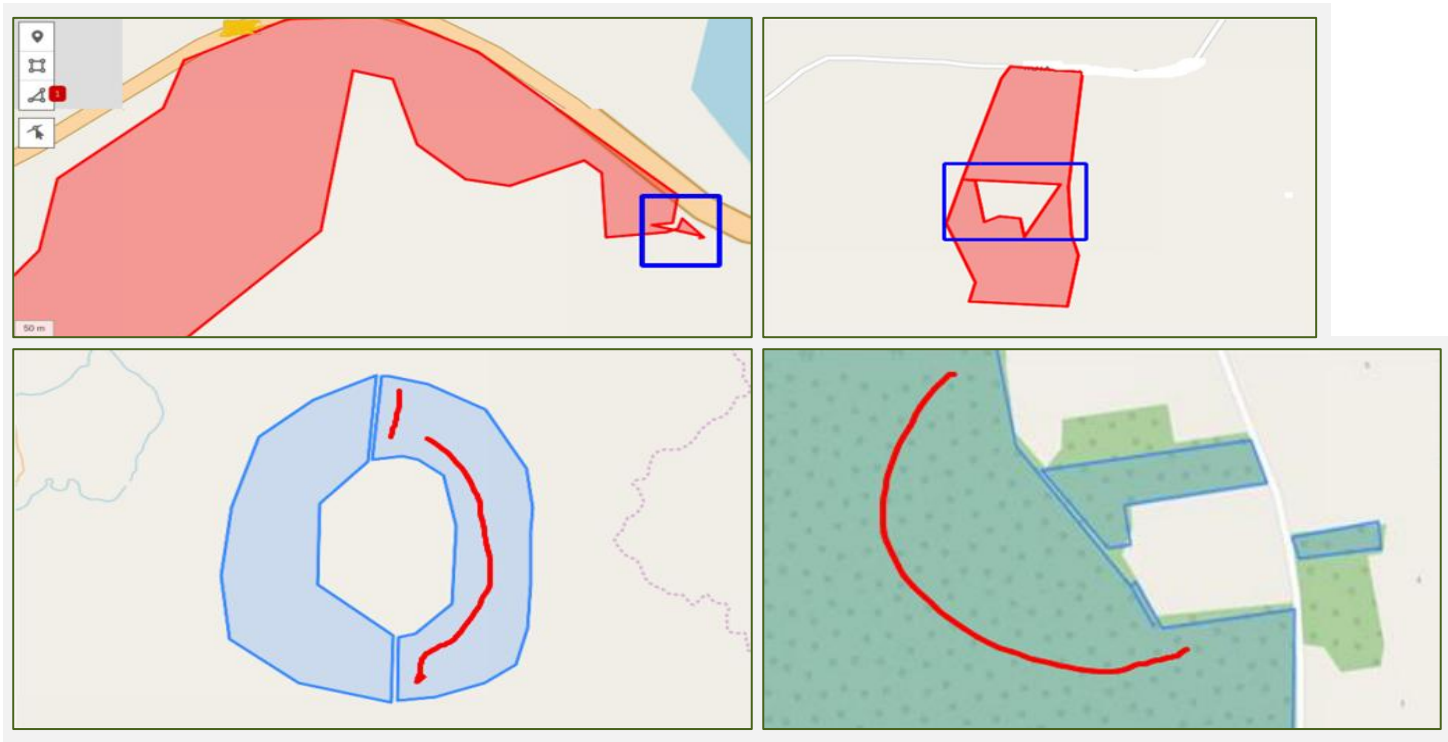
- Nhà, kho, xưởng
- Ao, hồ
- Đường giao thông
- ...



MỘT SỐ SAI SỐT PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP

- X Polygon không xác định rõ
vùng nguyên liệu:
- Cùng loại cây trồng
 - Cùng niên vụ (năm trồng)
 - Đang được khai thác

CÁC LỖI PHỔ BIẾN





Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Technische Zusammenarbeit
in internationalen
Kooperationen seit 1951

3. DỮ LIỆU NGUỒN MỞ VÀ NỀN TẢNG ỨNG DỤNG THAM KHẢO

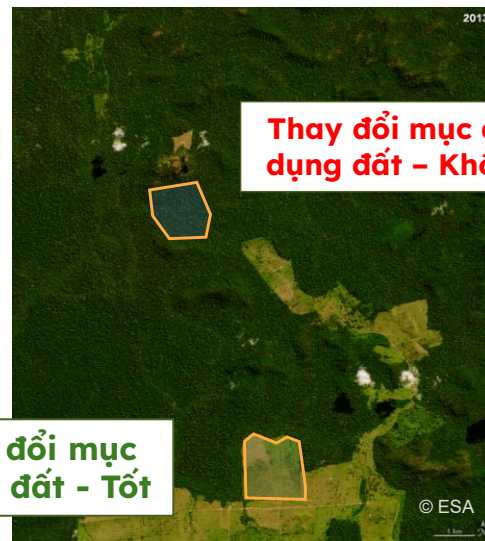
TRUY XUẤT NGUỒN GỐC & GIÁM SÁT RỪNG

*Truy xuất nguồn gốc và lập
bản đồ các khu vực khai
thác*



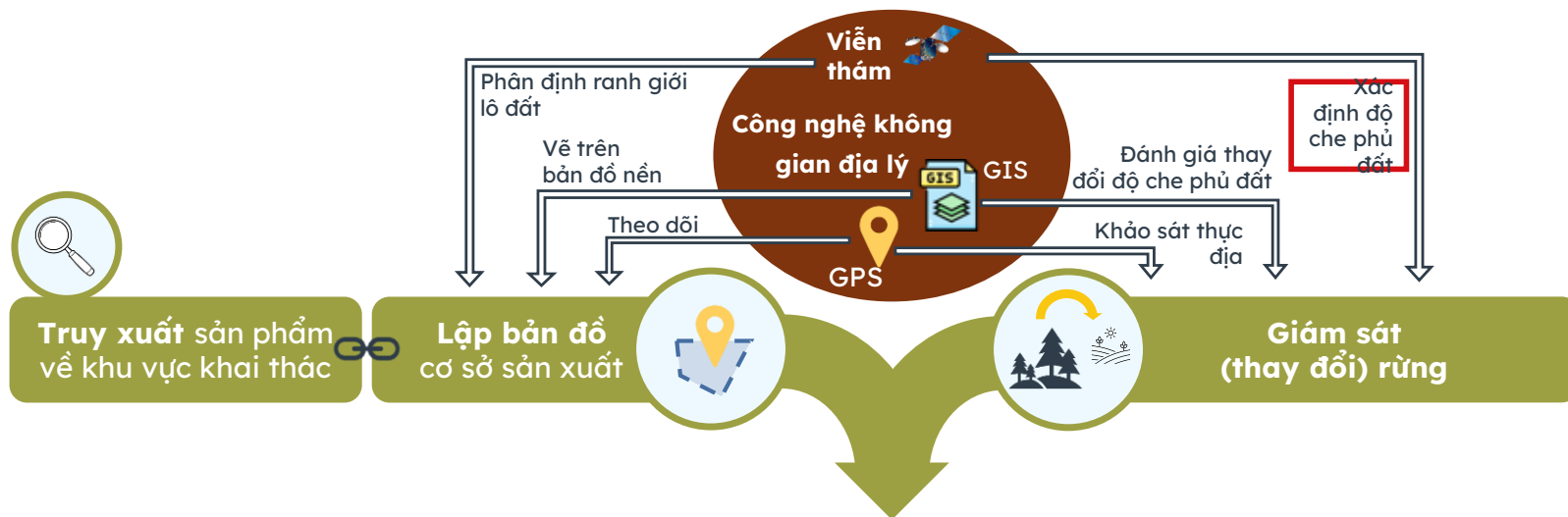
Phá rừng ở các khu
vực khai thác

Quan trắc rừng chi tiết



Không thay đổi mục
đích sử dụng đất - Tốt

DỮ LIỆU ĐỊA LÝ EUDR



Kết hợp thông qua chồng lớp không gian
Đánh giá rủi ro mất rừng trên các sản phẩm/lô đất anh/chị theo dõi

THAM KHẢO CÁC NGUỒN DỮ LIỆU MỞ ĐỂ KIỂM TRA RỦI RO MẤT RỪNG

GLOBAL
FOREST
WATCH

Global Forest Watch : Bản đồ mất rừng toàn cầu
www.globalforestwatch.org



FAO Forest Map : Dữ liệu che phủ rừng toàn cầu
fra-data.fao.org



Google Earth Engine : Phân tích thay đổi rừng
earthengine.google.com



EUFO : Nền tảng quan sát rừng toàn cầu do EC cung cấp,
hỗ trợ đánh giá rủi ro mất rừng phục vụ EUDR
<https://forest-observatory.ec.europa.eu/>



WHISP: Công cụ sử dụng ảnh vệ tinh độ phân giải cao
để giám sát thay đổi rừng theo thời gian thực
<https://whisp.earthmap.org/>



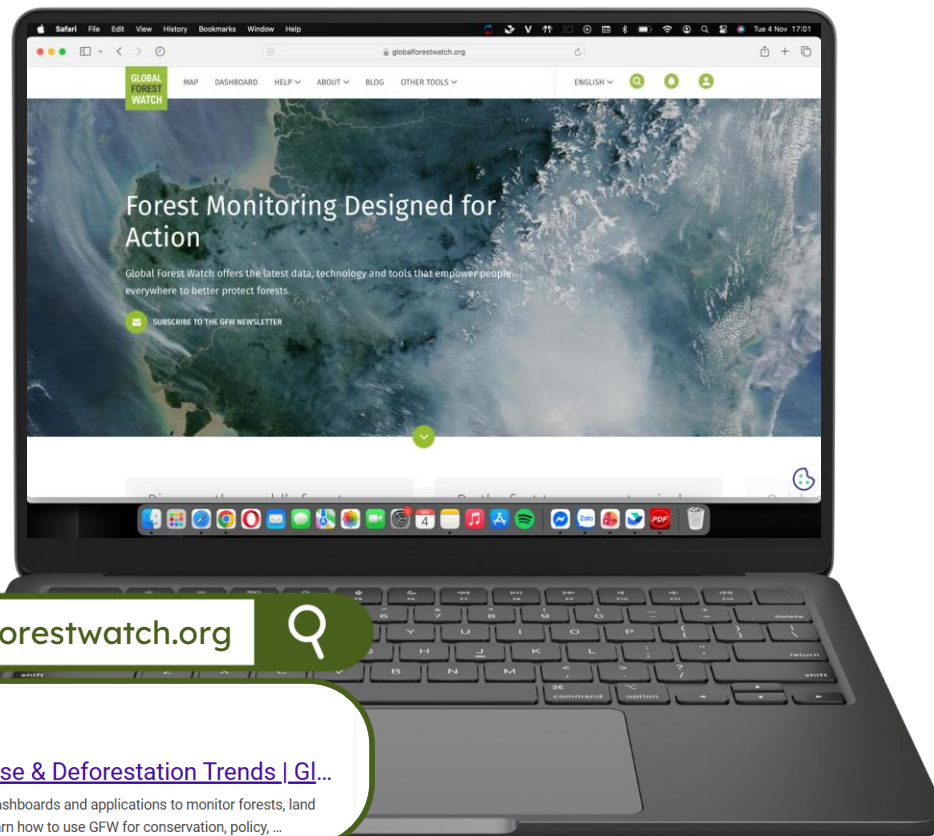
Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by

giz
Technische Dienstleistung
für internationale
Kooperationen seit 1972



GLOBAL
FOREST
WATCH

www.globalforestwatch.org



GLOBAL
FOREST
WATCH

Global Forest Watch

<https://www.globalforestwatch.org>

[Forest Monitoring, Land Use & Deforestation Trends | GI...](#)

Global Forest Watch provides data, alerts, dashboards and applications to monitor forests, land use and deforestation trends worldwide. Learn how to use GFW for conservation, policy, ...

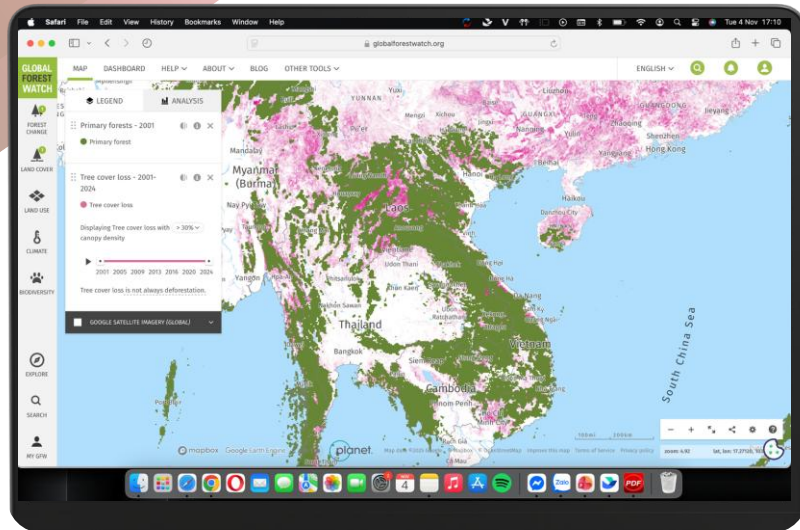


Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz
Technische Universität
Darmstadt
Karlsruhe Institute of Technology



GLOBAL
FOREST
WATCH

www.globalforestwatch.org



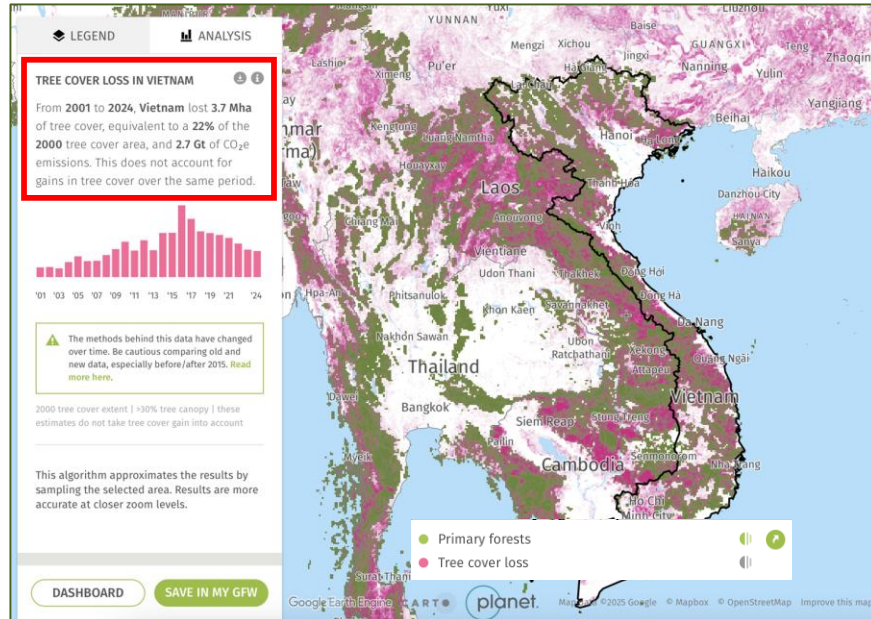
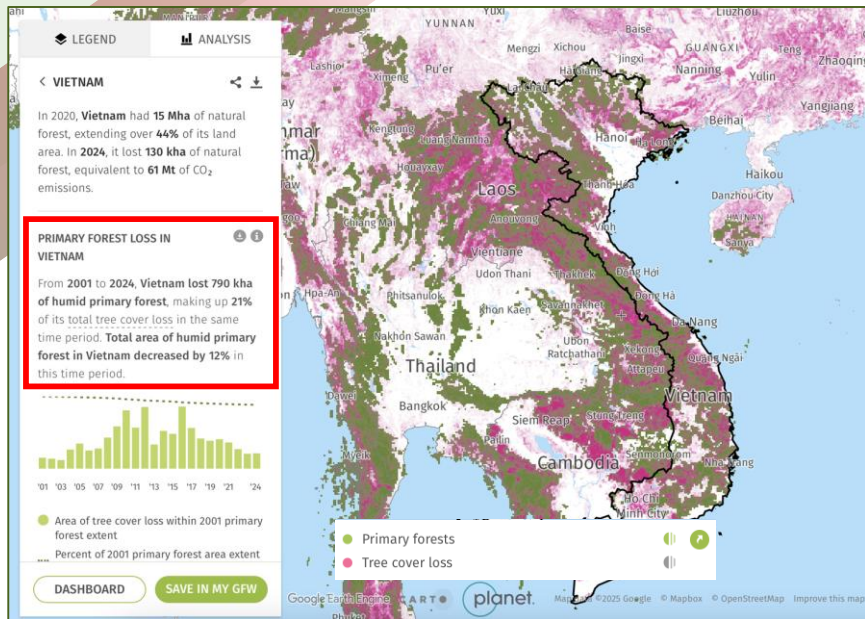


Co-funded by
the European Union



german
cooperation
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz
Technische Zusammenarbeit
in internationalen Projekten



GLOBAL
FOREST
WATCH

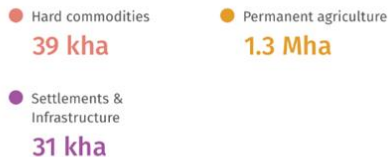
www.globalforestwatch.org



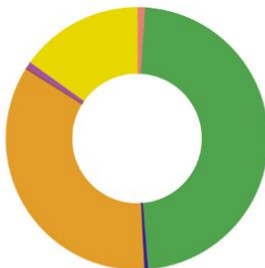
TREE COVER LOSS BY DOMINANT DRIVER IN VIETNAM

In **Vietnam** from **2001** to **2024**, **37%** of tree cover loss occurred in areas where the dominant drivers of loss resulted in deforestation.

Drivers of deforestation



Drivers of temporary disturbances

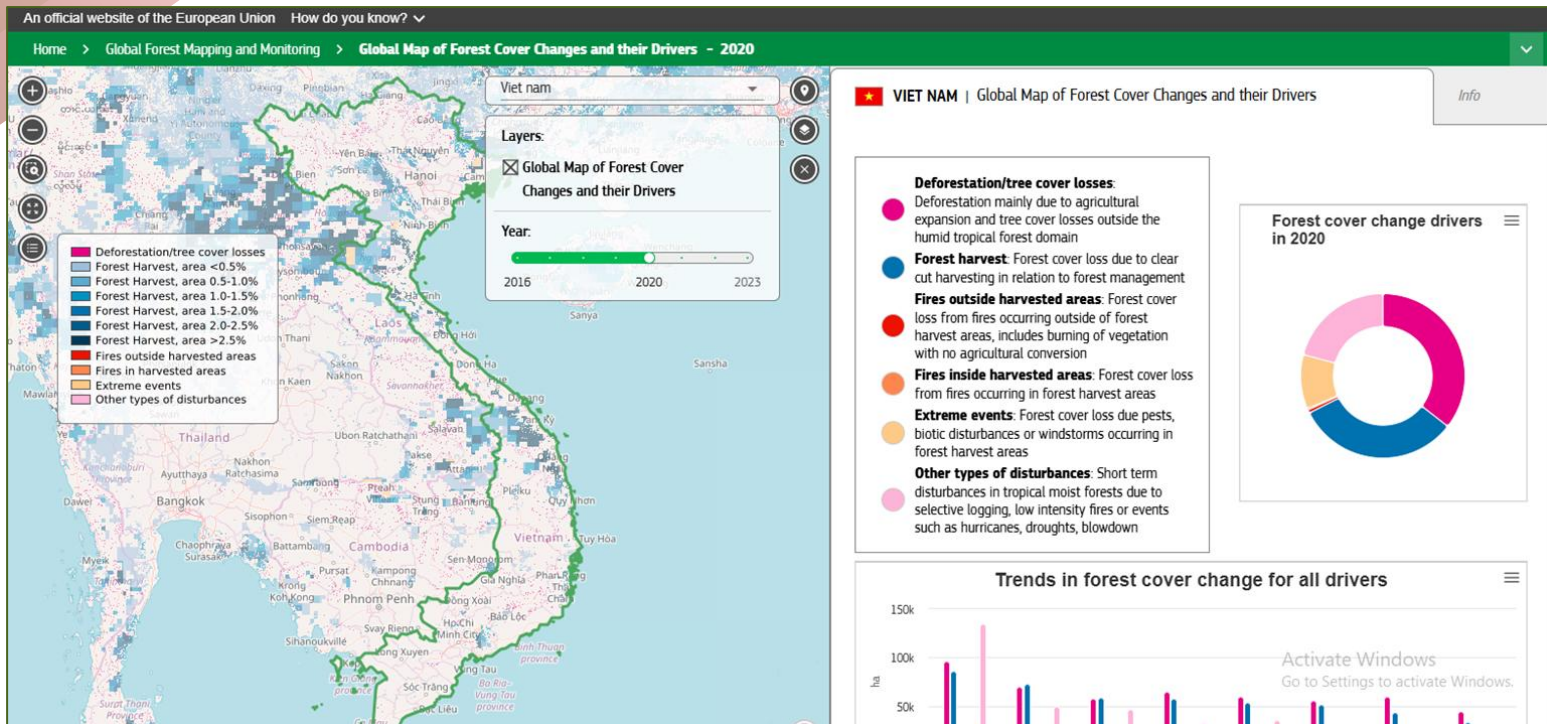


2000 tree cover extent | >30% tree canopy | these estimates do not take tree cover gain into account





<https://forest-observatory.ec.europa.eu/>





EU Forest
Observatory

ĐÀI QUAN SÁT EU

(EU observatory
on deforestation
and forest
degradation)



- Không bắt buộc: Quy định không quy định phải sử dụng bản đồ này hoặc bất kỳ bản đồ nào khác bởi các đơn vị vận hành/thương nhân (hoặc cơ quan có thẩm quyền) để phục vụ cho việc đánh giá rủi ro của họ



- Không loại trừ: Hệ thống Observatory chỉ là một trong nhiều công cụ; các bản đồ khác có thể có những ưu điểm so với thông tin có trên Observatory



- Không có giá trị pháp lý ràng buộc: Bản đồ này chỉ là một trong nhiều công cụ có thể được sử dụng để hỗ trợ đánh giá rủi ro; Việc sử dụng bản đồ không đảm bảo tuân thủ quy định



ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA DỮ LIỆU CHE PHỦ RỪNG TOÀN CẦU NĂM 2020

Sẽ được cập nhật
cuối năm 2025

01. Các khu rừng khô và vùng chuyển tiếp sinh thái
02. Độ chính xác toàn cục: **91%**
Lỗi bỏ sót: **8%**, Lỗi thêm vào: **18%**
>>> Ước lượng diện tích rừng tăng
03. GFC 2020 cho thấy tỷ lệ sai số cao đối với cây ca cao và cà phê

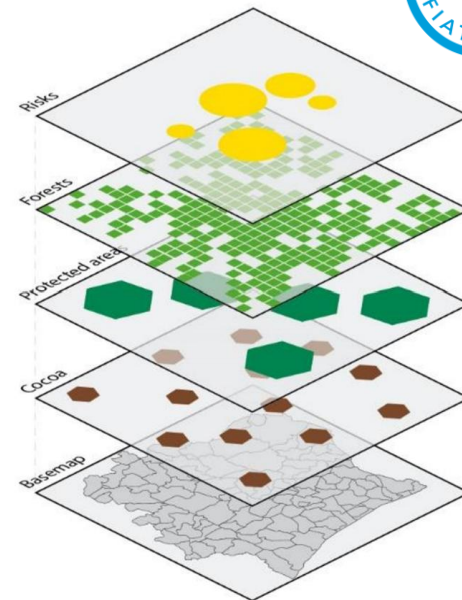
WHISP HỖ TRỢ HỘI TỤ BẰNG CHỨNG



WHISP là mã nguồn mở

- Không có lớp thông tin không gian địa lý nào có thể chứng minh sự tuân thủ
- Hội tụ bằng chứng từ nhiều lớp có thể hỗ trợ các tuyên bố tuân thủ
- Cần được xem xét bối cảnh quốc gia
- Phân tích mạnh mẽ, minh bạch và có thể tái tạo đòi hỏi các bộ dữ liệu và quy trình công khai

- **API có thể được tích hợp miễn phí trong tất cả các hệ thống**



TỔNG QUAN DỮ LIỆU RỪNG PHỤC VỤ GIẢM SÁT & ĐÁNH GIÁ RỦI RO (EO)

Dataset	Provider	Resolution (m)	Variable	Period	Aligned with FAO definition of forest
EU Forest Observatory Global Forest cover 2020	JRC	10	Forest area	2020	Yes**
Natural Lands	WRI	30	Natural vegetation	2020	Yes**
Forest/Non- forest	JAXA	25	Forest area	2017– 2020	Yes**
Tropical Moist Forest	JRC	30 (available at 10 m for year 2022)	Forest area	1990– 2022	Yes**
Tree Canopy Cover	GLAD/Hansen	30	Percentage of tree cover	2000– 2022	Needs adjustments
Tree Canopy Height			Tree height	2020	Needs adjustments
Tropical Tree Cover	WRI	10	Percentage of tree cover	2020	Needs adjustments
World Cover	ESA-JRC	10	Land Cover	2020– 2021	No
Global Land Cover	Copernicus	100	Land Cover	2015– 2019	No
RADD	Wageningen University	10	Deforestation alert	Alerts every 14 days	No
GLAD	GLAD/Hansen	30	Deforestation alert	Alerts every 14 days	No

** aligned with the FAO biophysical criteria to define forests, with limitation on the representation of specific land uses (i.e. agricultural plantations)



THÔNG DIỆP CHÍNH VỀ NGHĨA VỤ

Các nông hộ nhỏ không trực tiếp đưa sản phẩm vào thị trường EU **không có nghĩa vụ pháp lý trực tiếp nào.**

- **Operators EU** mới là bên phải thực hiện các yêu cầu về Trách nhiệm giải trình (due diligence) theo EUDR; bao gồm cả việc thu thập **tọa độ địa lý của các thửa đất sản xuất hàng hóa XK vào EU.**
- **Operators EU** sẽ yêu cầu các nông hộ/DN XK Việt Nam cung cấp dữ liệu tọa độ địa lý.
- Việc chuyển dữ liệu tọa độ này thành bản đồ rừng để đánh giá **rủi ro mất rừng là trách nhiệm của Operator EU.**
- Nếu **phát hiện có rủi ro mất rừng**, **Operator EU** có thể yêu cầu thêm thông tin bổ sung.

NGUỒN THAM KHẢO

<https://earth.google.com/web/>

<https://geojson.io/>

<https://www.globalforestwatch.org/>

<https://whisp.earthmap.org/>

<https://forest-observatory.ec.europa.eu/>

https://green-forum.ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation/information-system-deforestation-regulation_en#:~:text=To%20create%20the%20Due%20Diligence,or%20as%20a%20CSV%20file.



Implemented by

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

KHÓA TẬP HUẤN VỀ QUY ĐỊNH KHÔNG GÂY
MẤT RỪNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EUDR)

Dự án “EUDR Engagement”

